

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2010

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

MỤC LỤC

LỜI TỰA CỦA THỐNG ĐỐC	7
CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	9
KHÁI QUÁT KINH TẾ THẾ GIỚI	11
KINH TẾ VIỆT NAM	13
CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ VÀ TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU	17
DIỄN BIẾN TIỀN TỆ	20
ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	26
QUẢN LÝ NGOẠI HỐI	29
HOẠT ĐỘNG THANH TRA GIÁM SÁT	30
CÔNG TÁC PHÁT HÀNH KHO QUỸ	32
CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG VÀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN	33
HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG	35
KIỂM SOÁT - KIỂM TOÁN NỘI BỘ	37
CÔNG TÁC PHÁP CHẾ	38
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI	40
TỔ CHỨC CÁN BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG	42
PHỤ LỤC	

TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ



BAN LÃNH ĐẠO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Ông Nguyễn Văn Giàu
Tổng đốc



Ông Nguyễn Đồng Tiến
Phó Tổng đốc



Ông Trần Minh Tuấn
Phó Tổng đốc thường trực



Ông Đặng Thanh Bình
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Toàn Thắng
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Văn Bình
Phó Tổng đốc

Theo Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

LỜI TỰA CỦA THỐNG ĐỐC

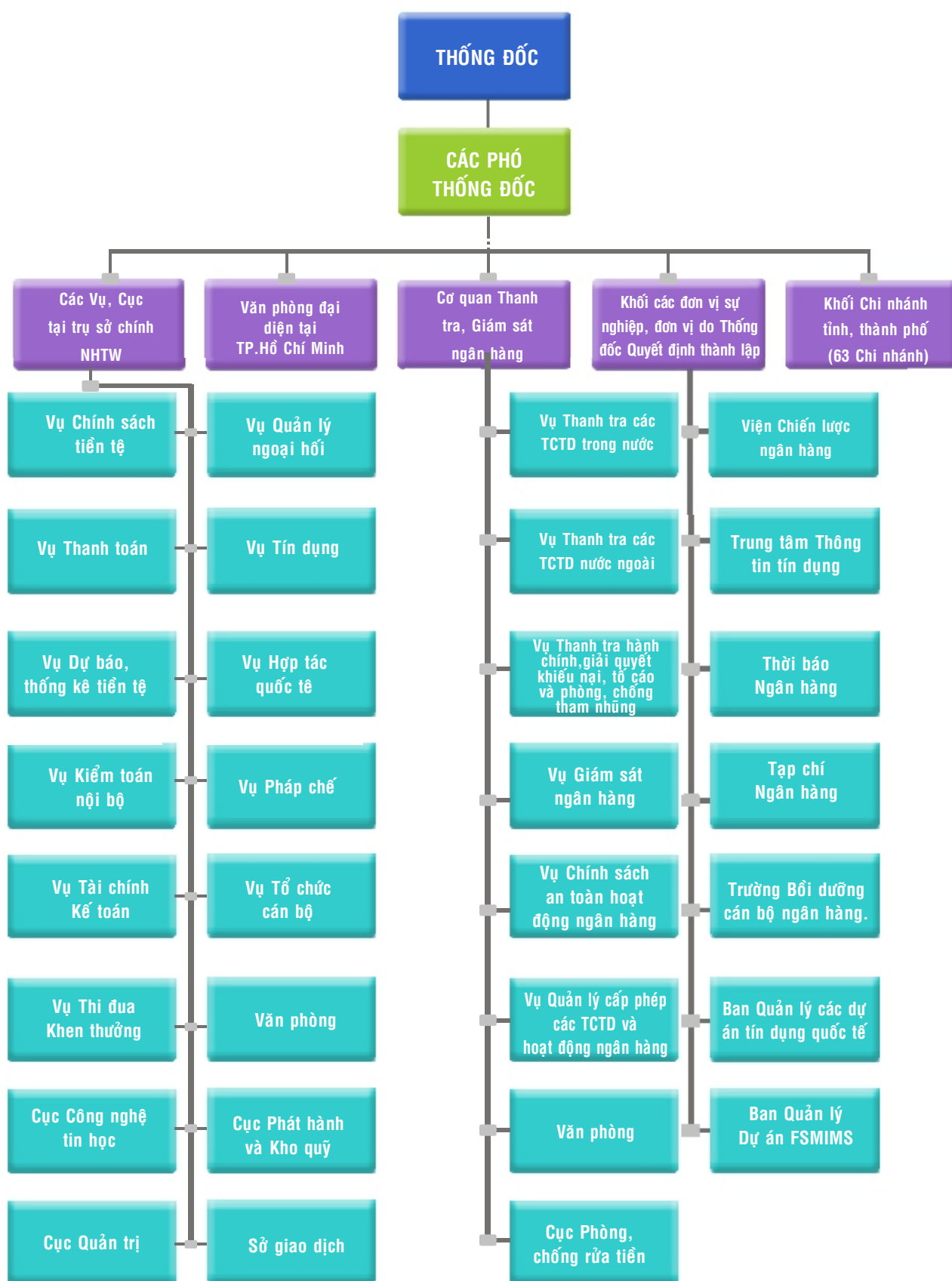
Năm 2010, kinh tế thế giới đã phục hồi và đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 5% chủ yếu nhờ sự phục hồi của cầu nội địa và thương mại toàn cầu, song sự phục hồi này chưa vững chắc do tình hình chính trị xã hội còn bất ổn ở nhiều quốc gia, khủng hoảng nợ châu Âu ngày càng diễn biến phức tạp. Giá cả hàng hóa thiết yếu có xu hướng tăng so với năm 2009 gây áp lực lạm phát ở nhiều nước, đặc biệt là các quốc gia mới nổi và đang phát triển. Kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh và đạt tốc độ tăng trưởng 6,78%, cao hơn mục tiêu 6,5% và có tốc độ tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước nhờ sự phục hồi của cả tiêu dùng, đầu tư và cầu nước ngoài ròng. Xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài tăng khá cao đã góp phần thu hẹp đáng kể thâm hụt cán cân thanh toán xuống khoảng 1,66% GDP. Song nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, kinh tế tăng trưởng chưa thật bền vững, hiệu quả đầu tư thấp, lạm phát tăng cao 11,75%.

Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt, theo nguyên tắc thị trường, điều hành lãi suất cho vay theo cơ chế lãi suất thỏa thuận và theo hướng giảm dần, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hệ thống thể chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng được tập trung hoàn thiện, hướng tới chuẩn mực mới, phù hợp hơn với các thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam với việc ban hành mới Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các tổ chức tín dụng; hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp tục được tăng cường dựa trên việc từng bước áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tiềm lực tài chính và tạo tiền đề cho sự phát triển an toàn và bền vững của hệ thống ngân hàng Việt Nam; hệ thống thanh toán và công nghệ ngành ngân hàng tiếp tục được cải thiện và có đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy hoạt động của hệ thống ngân hàng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nền kinh tế. Trong những tháng cuối năm 2010, Ngân hàng Nhà nước thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ và tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát có dấu hiệu gia tăng trở lại. Việc điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã góp phần tích cực đối với kết quả đạt được của nền kinh tế, lưu thông tiền tệ và hoạt động của các tổ chức tín dụng được đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước



NGUYỄN VĂN GIÀU



CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tên Vụ, Cục	Chức năng, nhiệm vụ
Vụ Chính sách tiền tệ	Tham mưu, giúp Thống đốc xây dựng chính sách tiền tệ quốc gia và sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ theo quy định của pháp luật.
Vụ Quản lý ngoại hối	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật.
Vụ Thanh toán	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.
Vụ Tín dụng	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng và điều hành thị trường tiền tệ theo quy định của pháp luật.
Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê tiền tệ theo quy định của pháp luật.
Vụ Hợp tác quốc tế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.
Vụ Kiểm toán nội bộ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.
Vụ Pháp chế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong ngành Ngân hàng.
Vụ Tài chính Kế toán	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của Ngân hàng Nhà nước và quản lý nhà nước về kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
Vụ Tổ chức cán bộ	Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác tổ chức, biên chế; quản lý, sử dụng, đào tạo và phát triển cán bộ, công chức, viên chức; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.
Vụ Thi đua - Khen thưởng	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát chuyên ngành về ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quy mô nhỏ, hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác; thực hiện phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật.
Văn phòng	Tham mưu, giúp Thống đốc chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước; quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn thư, lưu trữ của ngành ngân hàng theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác hành chính, lễ tân, văn thư, lưu trữ tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.
Cục Công nghệ tin học	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ tin học trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng, tổ chức triển khai, vận hành và đảm bảo hoạt động hạ tầng công nghệ thông tin, truyền thông của NHNN.

Tên Vụ, Cục	Chức năng, nhiệm vụ
Cục phát hành và kho quỹ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
Cục Quản trị	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, hậu cần, bảo vệ an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.
Sở Giao dịch	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.
Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý Nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Thực hiện nhiệm vụ đại diện theo sự ủy quyền của Thống đốc.
Các đơn vị sự nghiệp và đơn vị do Thống đốc quyết định thành lập	
Viện Chiến lược ngân hàng	Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngân hàng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.
Trung tâm Thông tin tín dụng	Thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân tích, dự báo thông tin tín dụng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện các dịch vụ thông tin ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.
Thời báo Ngân hàng	Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn xã hội và là công cụ tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.
Tạp chí Ngân hàng	Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.
Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng	Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng phục vụ yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng theo quy hoạch, kế hoạch đã được Thống đốc phê duyệt.
Ban quản lý các dự án tín dụng quốc tế	
Ban quản lý Dự án FSMIMS	Giúp Thống đốc quản lý và thực hiện Dự án Tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và Dự án Tài chính nhà ở. Giúp Thống đốc quản lý và thực hiện Dự án Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng.

Tổng quan kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới năm 2010 tiếp tục phục hồi và đạt mức tăng trưởng khoảng 5%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2007, chủ yếu là nhờ các biện pháp kích cầu của chính phủ các nước. Tuy nhiên, sự phục hồi còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khi thất nghiệp tiếp tục tăng cao, áp lực lạm phát gia tăng và đặc biệt là vấn đề khủng hoảng nợ công.

Kinh tế Mỹ tăng 2,8%, là mức cao nhất kể từ năm 2007, đánh dấu sự phục hồi trở lại sau giai đoạn suy thoái nhưng chủ yếu dựa vào các biện pháp kích cầu của Chính phủ và Fed. Tỷ lệ thất nghiệp bình quân 2010 tăng lên mức 9,6%. Thâm hụt ngân sách năm tài khoá 2010 mặc dù đã giảm so với năm 2009 nhưng vẫn ở mức cao (8,9% GDP). Tuy nhiên, ngược với xu hướng chung của thế giới, lạm phát của Mỹ lại có xu hướng giảm trong năm 2010, chỉ tăng 1,5%.

Kinh tế khu vực đồng euro năm 2010 tăng trưởng 1,7%, tốc độ tăng trưởng qua các quý tương đối khả quan nhờ sự phục hồi của kinh tế Đức và chủ yếu do xuất khẩu tăng cao trở lại. Tuy nhiên, tình trạng thất nghiệp vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao 9,98%; thâm hụt ngân sách và nợ công cao và tiếp tục diễn biến phức tạp buộc chính phủ các nước thực hiện chính sách tài khoá chặt chẽ đã và đang tác động tiêu cực lên đà phục hồi kinh tế của các nước trong khu vực, đồng thời thúc đẩy ECB tiếp tục phải thực hiện các biện pháp hỗ trợ thanh khoản.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 3,9%, vượt

¹ Báo cáo của IMF

qua giai đoạn suy thoái và góp phần giảm áp lực vào tình trạng giảm phát trong năm 2010 của nước này, nhờ sự phục hồi của xuất khẩu và các chương trình kích cầu của chính phủ. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao (bình quân 5,07%). Tình trạng giảm phát vẫn tiếp tục dai dẳng (lạm phát tháng 12/2010 ở mức 0%) và sự tăng giá của đồng Yên cùng với thâm hụt ngân sách và nợ công ở mức cao tạo lực cản cho quá trình phục hồi kinh tế của Nhật Bản.

Các nước đang phát triển phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt là Trung Quốc, Singapore, Philippines, Malaysia, Thái Lan, Hàn Quốc và tiếp tục là động lực cho tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dần theo các quý khi các NHTW thực hiện thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát và kinh tế các nước lớn tăng trưởng chậm lại. Mặc dù vậy, do động lực tăng trưởng mạnh mẽ của cầu nội địa và sự phục hồi của cầu nước ngoài khiến cho sức ép tăng lạm phát tăng mạnh.

Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia

Năm 2010, NHTW các nước điều hành chính sách tiền tệ có sự phân hoá theo những xu hướng khác nhau, trong đó đa số các nước phát triển vẫn tiếp tục nới lỏng tiền tệ để kích thích tăng trưởng kinh tế, ngược lại các nước mới nổi và đang phát triển thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát.

Các nước phát triển: Đa số các NHTW lớn như FED, ECB, BOE, BOJ duy trì lãi suất chủ

đạo ở mức thấp và tái khởi động các chính sách kích thích kinh tế mới, cụ thể: (i) FED thực hiện biện pháp nới lỏng định lượng lần 2 thông qua mua 600 tỷ USD trái phiếu Bộ Tài chính Mỹ (từ 11/2010-6/2011); (ii) Nhật Bản thông qua dự thảo ngân sách bổ sung trị giá 53 tỷ USD cho tài khóa 2010, BOJ thực hiện gói giải pháp kích thích kinh tế mới trị giá 5 nghìn tỷ Yên (tương đương 60 tỷ USD) thông qua việc mua trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp bắt đầu từ tháng 11/2010; (iii) ECB tái khởi động chính sách hỗ trợ thanh khoản (từ 12/2010-4/2011) nhằm hỗ trợ tiêu dùng và đầu tư nội địa.

Ngược lại, một số nước phát triển khác có sự phục hồi khá ổn định nhờ xuất khẩu tăng mạnh, đã sớm thắt chặt tiền tệ ngay từ đầu năm 2010 như Australia, Thụy Điển (4 lần tăng lãi suất chủ đạo), Canada (3 lần tăng lãi suất chủ đạo) nhằm kiềm chế lạm phát.

Các nước mới nổi và đang phát triển thực hiện thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát như Trung Quốc (1 lần tăng lãi suất chủ đạo, 5 lần tăng tỷ lệ DTBB; bán trái phiếu ngắn hạn nhằm kiềm chế tín dụng tăng trưởng nóng và bong bóng giá nhà đất); Ấn Độ (6 lần tăng lãi suất chủ đạo, 1 lần tăng tỷ lệ DTBB); Thái Lan (3 lần tăng lãi suất chủ đạo).

Bên cạnh đó, một số nước Đông Âu trong nửa đầu năm 2010 vẫn tiếp tục cắt giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế, nhưng trong nửa cuối năm đã dừng việc hạ lãi suất do lo ngại những tác động xấu từ khủng hoảng nợ khu vực đồng tiền chung châu Âu sẽ khiến giá tài sản tại những nước này tăng mạnh dẫn tới nguy cơ bong bóng tài sản.

Tăng trưởng kinh tế năm 2010 đạt 6,78%, cao hơn nhiều so với mức tăng 5,32% của năm 2009, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra 6,5%, đây là mức tăng trưởng khá cao so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực nhờ sự hồi phục của cầu trong nước và xuất khẩu. Năm 2010 xuất khẩu của Việt Nam tăng 25,5%; giải ngân vốn đầu tư nước ngoài đạt 11 tỷ USD tăng 10% so với năm 2009. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như lạm phát, nhập siêu gia tăng, bội chi ngân sách nhà nước vẫn ở mức khá cao.

Tăng trưởng kinh tế

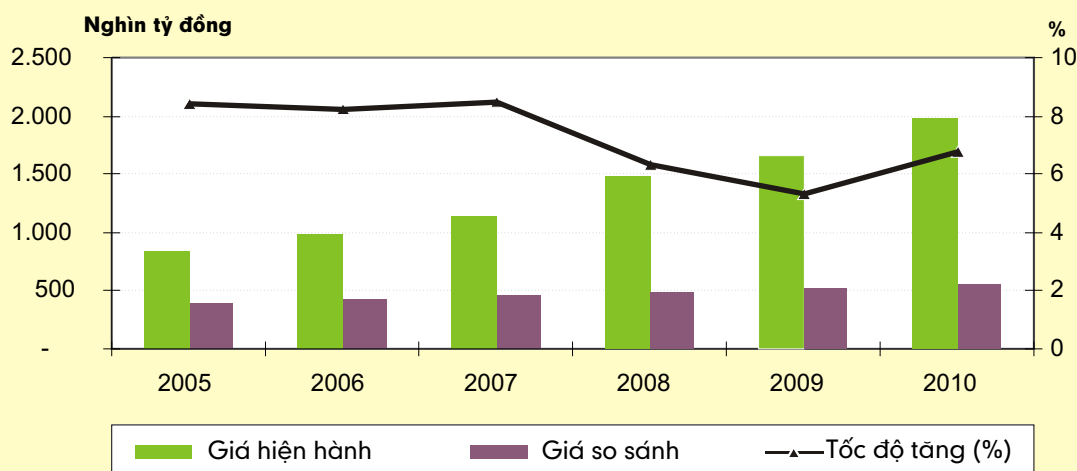
Xét các yếu tố bên cung: Tăng trưởng kinh tế năm 2010 đạt 6,78%, trong đó cả 3 khu vực nông-lâm-thủy sản, công nghiệp-xây dựng và dịch vụ đều có tốc độ tăng cao hơn năm trước, trong đó khu vực công nghiệp-xây dựng đóng góp nhiều nhất vào tốc độ tăng trưởng chung thay vì khu vực dịch vụ như năm 2008-2009.

Khu vực nông-lâm-thủy sản: tăng 2,78% cao hơn nhiều so với mức tăng 1,83% của năm 2009 chủ yếu do ngành nông nghiệp tăng mạnh (tăng 2,43%, gấp gần 2 lần so với mức tăng năm 2009), ngành thủy sản và lâm nghiệp tăng nhẹ. Ngành nông nghiệp vẫn là ngành đóng góp nhiều nhất vào tốc độ tăng của GDP khu vực này (đóng góp 1,99% trong tổng số 2,78% tốc độ tăng chung của khu vực nông lâm thủy sản); ngành thủy sản chỉ đóng góp 0,66%.

Khu vực công nghiệp-xây dựng: có mức tăng cao hơn so với năm 2009 chủ yếu do ngành công nghiệp tăng mạnh. Tính trong tốc độ tăng trưởng chung của cả nước thì GDP ngành công nghiệp đóng góp 2,27%, xây dựng đóng góp 0,93%, tính chung ngành công nghiệp-xây dựng đóng góp 3,2% trong tổng số 6,78% tốc độ tăng trưởng chung của GDP cả nước.

Khu vực dịch vụ tăng cao hơn so với năm 2009, là ngành đóng góp thứ hai sau công

Tổng sản phẩm trong nước



ngành xây dựng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế chung sau hai năm liên tiếp đứng vị trí thứ nhất, tuy nhiên mức đóng góp chênh lệch so với ngành công nghiệp xây dựng không lớn. Nguyên nhân chủ yếu do tiêu dùng trong nước phục hồi đáng kể theo xu hướng phục hồi của tăng trưởng kinh tế, các hoạt động kinh tế thực diễn ra sôi nổi, tốc độ tăng quý sau cao hơn quý trước. Khách quốc tế đến Việt Nam cũng tăng mạnh với mức tăng 34,8% trong khi năm 2009 giảm 10,9%.

Xét các yếu tố bên cầu: các chỉ tiêu bao gồm chi tiêu cá nhân, chi tiêu chính phủ, đầu tư và xuất khẩu ròng đều tăng cao hơn so với năm 2009.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và tiêu dùng dịch vụ xã hội năm 2010 tăng 24,5%, nếu loại trừ mức tăng lạm phát, tốc độ tăng vẫn ở mức cao 17,9%, cho thấy tiêu dùng đã phục hồi đáng kể.

Tiêu dùng cuối cùng của Chính phủ, bao gồm các khoản chi trả lương cho công chức Chính phủ, tiêu dùng hàng hóa dịch vụ, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi thường xuyên. Năm 2010, chi thường xuyên tăng 23,3%, gấp gần 1,4 lần so với mức tăng của 2009 và nếu loại trừ mức tăng lạm phát tốc độ tăng đạt 14,11%.

Đầu tư: Năm 2010, vốn đầu tư thực hiện

toàn xã hội tăng 17,14%, gấp gần 1,17 tốc độ tăng của năm 2009, đầu tư chủ yếu từ khu vực ngoài quốc doanh và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi khu vực nhà nước giảm mạnh do Chính phủ dừng các gói kích cầu đầu tư đã được thực hiện trong năm 2009. Cụ thể: Vốn đầu tư thuộc khu vực Nhà nước chỉ tăng 10%, bằng 1/3 tốc độ tăng của năm 2009; Vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước tăng 24,7% gấp hơn 2 lần mức tăng 10,6% của năm 2009; Vốn đầu tư khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,4% so với mức giảm 4,98% của năm 2009, thể hiện qua sự cải thiện của giải ngân vốn FDI trong năm 2010 (đạt 11 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2009). Trong cơ cấu vốn đầu tư, khu vực nhà nước tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất (38%), tiếp theo là khu vực ngoài nhà nước (36%), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì ở mức bình quân của nhiều năm trước (dưới 30%; ngoại trừ năm 2008 đạt trên 30%).

Xuất khẩu ròng: Cầu nước ngoài ròng theo giá hiện hành tiếp tục tăng nhưng tốc độ tăng thấp hơn so với năm 2009 thể hiện: xuất khẩu ròng hàng hóa năm 2010 ở mức -12,6 tỷ USD tăng 1,96% so với năm 2009.

Lao động, thu nhập

Tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm dần qua các năm, trong đó tỷ lệ thất nghiệp chung năm

Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và số lao động xuất khẩu, 2005-2010						
	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị (%)	5.3	4.82	4.64	4.65	4.66	4.43
Số lượng lao động xuất khẩu (lao động)	70.000	70.000	85.000	85.000	73.400	85.500

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

2010 của lao động trong độ tuổi là 2,88%, giảm 0,02% so với năm 2009; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 4,43%, giảm 0,17% so với năm 2009; khu vực nông thôn 2,27% (2009: 2,25%). Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.160 USD. Trái ngược với tình trạng ảm đạm trong khoảng nửa đầu năm 2010, cầu nước ngoài về lao động xuất khẩu Việt Nam có nhiều dấu hiệu tích cực vào nửa cuối năm, đẩy số lượng lao động xuất khẩu cả năm đạt khoảng 85.500 lao động, tăng 16,4% so với năm 2009 và đạt 100,64% kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Thu chi Ngân sách nhà nước

Bội chi ngân sách nhà nước năm 2010 bằng 5,6%GDP, thấp hơn mức 6,9%GDP năm 2009; thu ngân sách tăng 26,4% do kinh tế trong nước phục hồi khả quan, trong khi chi ngân sách chỉ tăng ở mức thấp (13%).

Tổng thu NSNN tăng cao so với năm 2009 chủ yếu do (i) thu từ dầu thô tăng 9,6% do được lợi từ giá dầu thô thế giới tăng (giá dầu xuất khẩu năm 2010 tăng 20,1% so với năm 2009); (ii) thu từ các sắc thuế đều có mức tăng cao hơn nhiều so với năm 2009 do kinh tế trong nước phục hồi, kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tương đối khả quan và Chính phủ dừng thực hiện các chính sách miễn, giảm, giãn thuế đối với các doanh nghiệp và ngành hàng đồng thời triển khai quyết liệt các biện pháp thanh tra, kiểm tra và quản lý thu thuế; (iii) thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục cải thiện.

Tổng chi NSNN tăng chậm hơn nhiều so với năm 2009, chủ yếu do chi đầu tư phát triển giảm 5%. Chi đầu tư phát triển giảm mạnh chủ

yếu do năm 2009 khoản mục này tăng cao theo mục tiêu kích cầu nền kinh tế; đồng thời, năm 2010 Chính phủ cũng chỉ đạo tiến hành rà soát, sắp xếp danh mục các dự án đầu tư của Nhà nước theo thứ tự, mục tiêu ưu tiên, tránh đầu tư dàn trải.

Diễn biến lạm phát

Lạm phát năm 2010 tăng cao so với năm 2009, thể hiện ở cả ba chỉ tiêu: lạm phát CPI tăng 11,75% so với 6,52% của năm 2009; lạm phát lương thực thực phẩm tăng 16,18% so với 5,78% của năm 2009; lạm phát bình quân tăng 9,19% so với 6,88% của năm 2009 do chịu tác động của cả sức ép bên cung (giá cả hàng hoá thiết yếu, đặc biệt là lương thực thực phẩm), bên cầu (đầu tư, tiêu dùng). Trong 11 nhóm hàng của rổ hàng hoá CPI, 9 nhóm hàng có mức tăng cao hơn năm 2009, trừ nhóm hàng Giao thông (3,75%) và Bưu chính viễn thông (-5,9%); trong đó các nhóm hàng có mức tăng mạnh nhất là Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 16,18% và chiếm tỷ trọng 56,3%); tiếp đó là Giáo dục (tăng 19,38% và chiếm tỷ trọng 8,52%); Nhà ở vật liệu xây dựng (tăng 15,74% và chiếm tỷ trọng 12,8%); Hàng hóa và dịch vụ khác (tăng 11,83% và chiếm tỷ trọng 3,18%); Đồ uống thuốc lá (tăng 9,57% và chiếm tỷ trọng 3,54%), các nhóm hàng còn lại dao động từ 3,75% đến 8,38%.

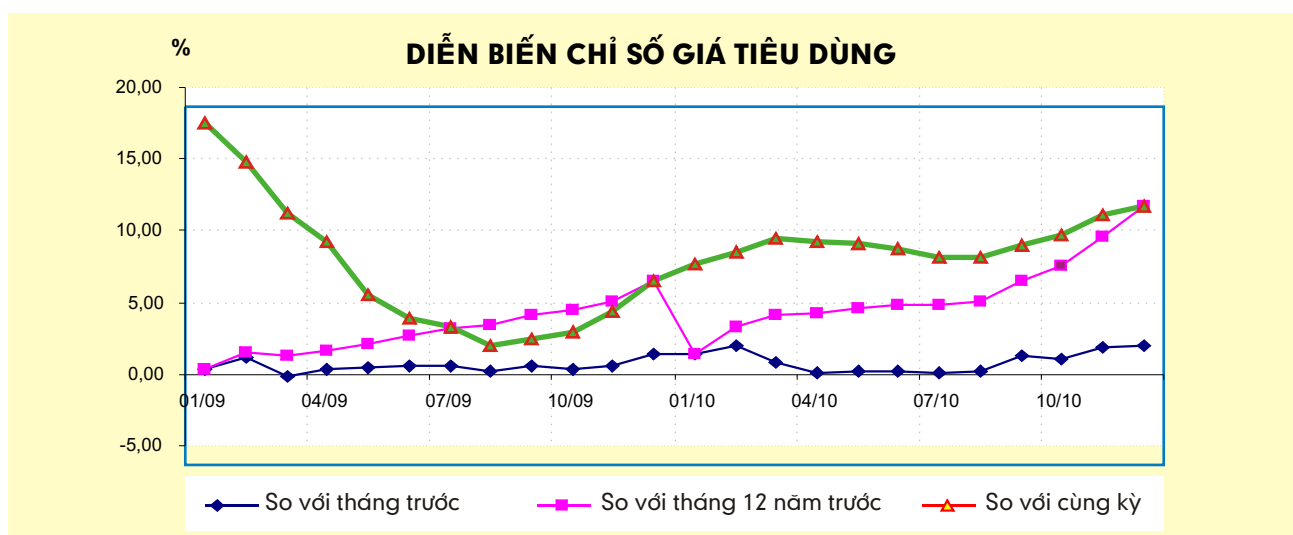
Sau khi được kiểm soát ở mức thấp và ổn định trong 8 tháng đầu năm với mức tăng bình quân khoảng 0,7%/tháng, từ tháng 9 lạm phát CPI tăng cao trở lại (bình quân 1,4%/tháng) đẩy lạm phát cả năm lên mức hai con số, riêng lạm phát trong quý IV chiếm tới 40% lạm phát cả năm. Các nguyên nhân chủ yếu khiến lạm phát tăng cao chủ yếu do: (i) Các cú sốc cung, giá cả

nhiều hàng hoá thiết yếu thế giới gia tăng làm tăng giá các hàng hóa nhập khẩu, từ đó làm tăng mặt bằng giá trong nước (giá xăng dầu điều chỉnh tăng 3 lần với mức tăng 6,5%; gas tăng 20%; sắt thép tăng 10%; khung học phí tăng từ mức 180.000 đ/tháng lên 240.000 đ/tháng; giá lương thực, thực phẩm tăng 16,5%); điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng Nhà nước quản lý (giá điện bình quân tăng 6,8%, than tăng 28-47%); ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh trong nông nghiệp cộng hưởng với yếu tố tâm lý làm tăng giá cục bộ ở một số vùng do bão lũ; (ii) Cầu kéo, thu nhập và thu nhập kỳ vọng của dân cư gia tăng trước bối cảnh tăng trưởng kinh tế cải thiện, điều chỉnh tăng lương tối thiểu và giá tài sản tăng cao, thể hiện ở chỉ tiêu Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2010 tăng 24,5% (2009: 20,58%); Tiêu dùng của Chính phủ tiếp tục tăng ở mức cao (chi thường xuyên trong cân đối ngân sách tăng 25%); (iii) Tâm lý (kỳ vọng) của người dân lo ngại về tình trạng lạm phát cao; lộ trình tăng giá theo thị trường đối với một số mặt hàng do Nhà nước quản lý và ảnh hưởng tâm

lý từ các phương tiện thông tin truyền thông về các vấn đề giá cả và kinh tế vĩ mô.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán năm 2010 biến động trong biên độ hẹp. So với năm 2009, thị trường giảm về cả chỉ số và tính thanh khoản: Chỉ số VN-Index giảm nhẹ -2% so với đầu năm xuống còn 484,66 điểm, trong đó mức điểm cao nhất là 549,51 điểm (ngày 6/5), mức điểm thấp nhất là 423,89 điểm (ngày 25/8). Chỉ số HNX-Index giảm mạnh 32,1% so với cuối năm 2009 xuống còn 114,24 điểm. Giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2010 đạt khoảng 2.510 tỷ đồng/phiên, giảm 10,14% so với mức 2.790 tỷ đồng/phiên của năm 2009. Mức vốn hóa thị trường tính đến 31/12/2010 đạt khoảng 660 nghìn tỷ đồng, dự tính tương đương 33,4% GDP. Số lượng tài khoản chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán đạt 879 nghìn tài khoản, tăng 11% so với cuối năm 2009.



Năm 2010, cán cân thanh toán của Việt Nam được cải thiện rõ nét, sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu giúp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu và gia tăng nguồn thu từ chuyển tiền một chiều của khu vực tư nhân và các luồng vốn đầu tư nước ngoài. Mức thâm hụt cán cân thanh toán tổng thể năm 2010 giảm mạnh xuống còn 1,77 tỷ USD.

Cán cân vãng lai

Quy mô thâm hụt cán cân vãng lai năm 2010 thu hẹp đáng kể, xuống mức 3,51 tỷ USD, tương đương 3,37% GDP. Thâm hụt cán cân vãng lai giảm chủ yếu nhờ thâm hụt thương mại được cải thiện và cán cân chuyển tiền thặng dư ở mức cao.

Cán cân thương mại¹ có mức thâm hụt giảm xuống còn 5,15 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 72,19 tỷ USD, tăng 26,4% so với năm 2009; Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 77,34 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm 2009.

Cán cân dịch vụ có mức thâm hụt tăng lên 2,46 tỷ USD. Tổng thu dịch vụ đạt 7,46 tỷ USD, tăng 29,4% so với năm 2009. Du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông là những ngành dịch vụ có tỷ lệ tăng trưởng cao (tương ứng tăng 45,9%; 11,8% và 10,5% so với năm 2009) và đóng góp chủ yếu cho mức tăng của tổng thu dịch vụ năm 2010. Tổng chi dịch vụ đạt 9,92 tỷ USD, tăng 33% so với năm 2009, do chi dịch vụ vận tải và bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu tăng mạnh (đạt 5,97 tỷ USD, tăng 42,2% so với năm 2009 và chiếm 60% trong tổng chi dịch vụ).

Cán cân thu nhập đầu tư thâm hụt 4,56 tỷ

USD, tăng 50,7% so với năm 2009. Trong đó, phần thu đạt 0,46 tỷ USD, giảm 39,4% so với năm 2009; Phần chi đạt 5,02 tỷ USD, tăng 32,8% so với năm 2009.

Cán cân chuyển tiền thặng dư 8,66 tỷ USD, tăng 34,3% so với năm 2009. Trong đó, chuyển tiền một chiều ròng của khu vực tư nhân thặng dư 8,34 tỷ USD, tăng 38,6% so với năm 2009 và là một trong những nguồn ngoại tệ quan trọng bù đắp cho thâm hụt cán cân vãng lai. Chuyển tiền kiều hối về Việt Nam đạt 8,7 tỷ USD, tăng 36,3% so với năm 2009. Chuyển tiền của khu vực Chính phủ (chủ yếu dưới hình thức viện trợ không hoàn lại) thặng dư 0,32 tỷ USD, giảm 25,8% so với năm 2009 do Chính phủ, các nhà tài trợ quốc tế gặp khó khăn tài chính sau tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu.

Cán cân vốn và tài chính

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 5,54 tỷ USD, giảm 17,9% so với năm 2009. Trong điều kiện, kinh tế Việt Nam và quốc tế còn nhiều khó khăn, hầu hết các cán cân bộ phận của CCV&TC vẫn bảo đảm thặng dư, đặc biệt vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài có sự cải thiện đáng kể.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ròng) thặng dư 7,1 tỷ USD, tăng nhẹ 2,9% so với năm 2009.

Vốn FDI thực hiện của nước ngoài tại Việt Nam đạt 8 tỷ USD, chiếm 64% tổng vốn FDI thực hiện tại Việt Nam. Vốn FDI vào Việt Nam tăng 5,3%, thấp hơn so với mức tăng năm 2009 do: (i) Các nhà đầu tư nước ngoài sử dụng nhiều

¹ Cán cân thương mại là sự chênh lệch giữa kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa theo giá FOB

nguồn vốn trong nước để triển khai thực hiện dự án đầu tư, đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản; (ii) Tỷ lệ vốn góp của Việt Nam trong các dự án được cải thiện rõ rệt từ mức bình quân 24% năm 2009 lên 36% năm 2010.

Vốn FDI của Việt Nam ra nước ngoài đạt 0,9 tỷ USD, tăng 28,6% so với năm 2009. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài năm 2010 tiếp tục hướng vào những ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp Việt Nam có thế mạnh và địa bàn ưu tiên thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài như khai thác khoáng sản đạt trên 700 triệu USD; nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 70 triệu USD; phân phối bán buôn bán lẻ đạt 53 triệu USD; bưu chính viễn thông đạt 33 triệu USD; sản xuất điện đạt 25 triệu USD...

Vay, trả nợ nước ngoài trung và dài hạn thặng dư 2,75 tỷ USD trong năm 2010, giảm 38,5% so với năm 2009. Vay, trả nợ nước ngoài trung và dài hạn của Chính phủ: Các khoản vay ODA, vay nợ từ các tổ chức tài chính quốc tế tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 71%) trong tổng số các khoản vay nợ trung và dài hạn. Rút vốn vay trung và dài hạn của khu vực doanh nghiệp đạt 1,32 tỷ USD (không kể các khoản rút vốn vay của doanh nghiệp FDI), giảm 42,7% so với mức 2,3 tỷ trong năm 2009.

Vay, trả nợ nước ngoài ngắn hạn của doanh nghiệp diễn biến theo hướng tích cực với mức thặng dư 1,04 tỷ USD, gấp 4 lần mức thặng dư của năm 2009. Trong đó, rút vốn vay nợ nước ngoài ngắn hạn của các doanh nghiệp đạt 8,39 tỷ USD tăng 50,1% so với năm 2009. Đây là một kênh tài trợ cho nhập khẩu do đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhập siêu và gây áp lực lên cung - cầu ngoại tệ.

²Nhập siêu là chênh lệch giữa kim ngạch xuất khẩu tính theo giá FOB và kim ngạch nhập khẩu tính theo giá CIF.

Nghĩa vụ trả nợ vay ngắn hạn cũng tăng 37,7% so với năm 2009, ở mức 7,34 tỷ USD.

Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài đạt mức thặng dư 2,37 tỷ USD, tăng mạnh do mức thâm hụt 71 triệu USD của năm 2009 do (i) Chính phủ Việt Nam đã phát hành thành công 1 tỷ USD trái phiếu để huy động vốn trên thị trường quốc tế trong Quý I/2010; (ii) Nền kinh tế phục hồi, tăng trưởng khá và được đánh giá là thị trường tiềm năng nên các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mức thặng dư đạt 1,37 tỷ USD.

Đầu tư dưới dạng tiền và tiền gửi thâm hụt tăng 61% so với năm 2009, lên tới 7,72 tỷ USD. Trong đó, đầu tư dưới dạng tiền và tiền gửi của hệ thống ngân hàng thâm hụt 503 triệu USD, tăng gấp 4,7 lần so với năm 2009; tiền và tiền gửi của khu vực khác (chủ yếu dưới dạng nắm giữ vàng, ngoại tệ của khu vực dân cư) thâm hụt 7,2 tỷ USD, tăng 53,7% so với năm 2009.

Tình hình xuất, nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2010 đạt 157 tỷ USD, tăng 23,6% so với năm 2009. Nhập siêu² ở mức 12,6 tỷ USD, tương đương 17,5% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (năm 2009 là 22,5% kim ngạch xuất khẩu). Quy mô thương mại hàng hóa của Việt Nam đã được mở rộng từ mức 130,8% GDP lên mức 142,5 % GDP; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa/GDP tăng từ 58,8% lên 67,9%; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa/GDP tăng từ 67,3% lên 74,6%, cho thấy mức độ mở cửa nền kinh tế Việt Nam đang gia tăng.

- *Về xuất khẩu:* Cùng với xu hướng phục hồi của nền kinh tế thế giới, giá xuất khẩu bình quân của hầu hết các mặt hàng đều tăng so với

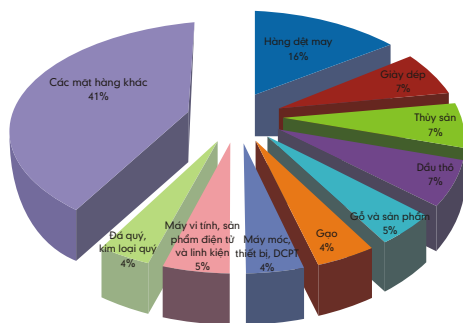
năm 2009. Lượng xuất khẩu của nhiều mặt hàng đạt mức tăng khá, có 18 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, tăng 5 mặt hàng so với năm 2009. Đóng góp chủ yếu vào kim ngạch xuất khẩu cả nước năm 2010 vẫn là nhóm hàng công nghiệp chế biến (chiếm 67,6%) tiếp theo là nhóm hàng nông, lâm, thủy sản (chiếm 21,2%) và nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản (chiếm 11,2%).

- Về nhập khẩu: có 18 mặt hàng nhập khẩu trên 1 tỷ USD. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong năm 2010 vẫn là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước tăng lên chủ yếu do giá nhập khẩu bình quân của hầu hết các mặt hàng đều tăng cao: cao su tăng 63,1%, bông tăng 45,8%, khí đốt hóa lỏng tăng 35,6%, kim loại thường khác tăng 29,9%, xăng dầu tăng 29,6%, sắt thép các

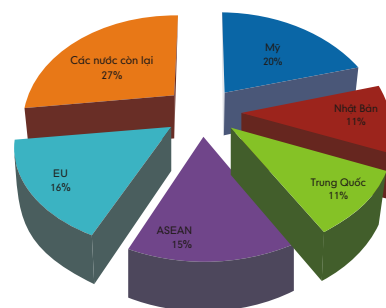
loại tăng 29,6%...Lượng nhập khẩu của một số mặt hàng cũng tăng khá: lúa mì tăng 59,9%, kim loại thường khác tăng 19,5%, bông các loại tăng 17,9%, xơ, sợi dệt các loại tăng 15,9%...

- Thị trường xuất, nhập khẩu Châu Á vẫn là thị trường lớn nhất, chiếm tới 52% tổng kim ngạch xuất khẩu và 80,3% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước. Nhập siêu từ Trung Quốc tiếp tục tăng và đạt mức 12,7 tỷ USD trong năm 2010 (cao hơn mức nhập siêu 12,6 tỷ USD của cả nước), chủ yếu do nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng (đạt khoảng 4,5 tỷ USD, chiếm 22,4%); vải các loại (đạt 2,2 tỷ USD, chiếm 11%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 1,5 tỷ USD, chiếm 7,5%).

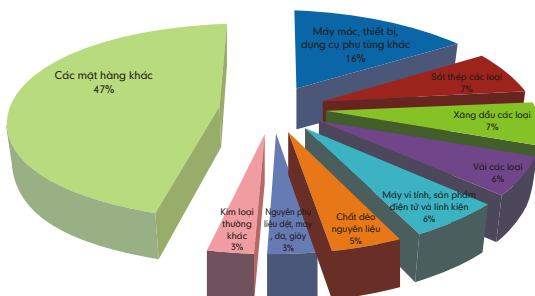
Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2010 phân theo mặt hàng



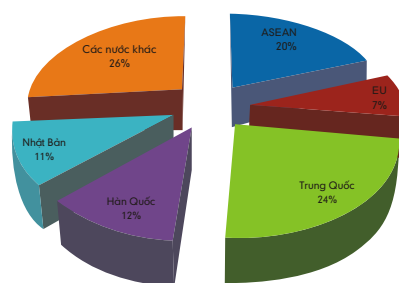
Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2010 theo đối tác



Nhập khẩu hàng hóa năm 2010 của Việt Nam phân theo mặt hàng



Nhập khẩu hàng hóa năm 2010 của Việt Nam phân theo đối tác



Tổng phương tiện thanh toán

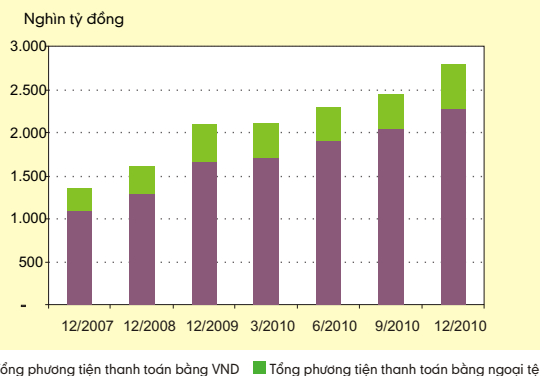
Tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng liên tục qua các tháng phù hợp với diễn biến tăng trưởng tín dụng và huy động vốn. Tính đến cuối tháng 12/2010, M2 tăng trưởng 33,3% so với cuối tháng 12/2009, cao hơn mức tăng 28,99% của cùng kỳ năm 2009 trong đó, tiền trong lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng tăng 15,25% và huy động vốn từ nền kinh tế tăng 36,24%. M2 tăng cao hơn so với năm 2009 là do Tài sản Có trong nước ròng của toàn ngành ngân hàng tăng 41,71%; Tài sản Có nước ngoài ròng của toàn ngành giảm 14,63% so với cuối năm 2009,

chủ yếu là do tài sản Có nước ngoài ròng của NHNN giảm 20,33%, tài sản Có nước ngoài ròng của TCTD tăng 37%.

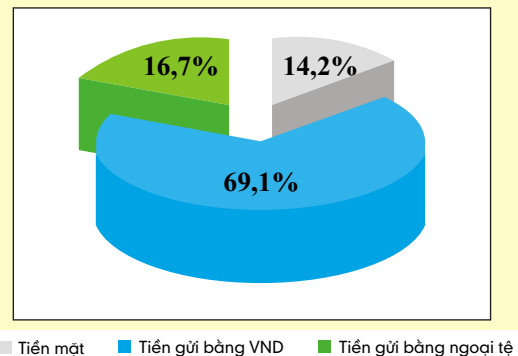
Huy động vốn

Hoạt động huy động vốn của hệ thống TCTD có tốc độ tăng trưởng nhanh dần theo tháng, và tính chung cả năm 2010 tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng. Tính đến cuối tháng 12/2010, tổng huy động vốn từ nền kinh tế của hệ thống ngân hàng tăng 36,24% so với cuối năm trước (đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 3,02%/tháng), cao hơn so với mức tăng 29,88% của cùng kỳ năm 2009 (tăng trưởng

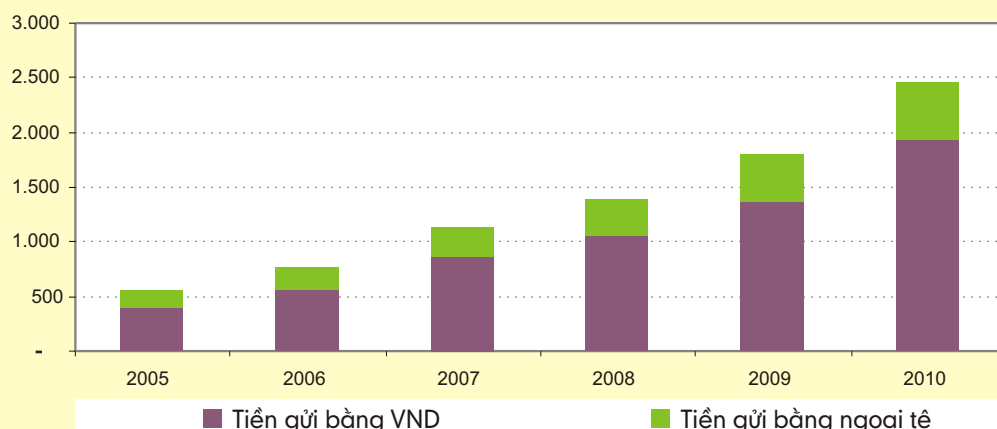
Diễn biến tổng phương tiện thanh toán



Cơ cấu tổng phương tiện thanh toán



HUY ĐỘNG VỐN TỪ NỀN KINH TẾ



bình quân 2,49%/tháng).

Xét theo cơ cấu đồng tiền: Trong năm 2010, huy động vốn VND tăng 41%; huy động vốn ngoại tệ tăng 20,95%. Huy động vốn VND có tốc độ tăng trưởng nhanh dần kể từ tháng 2/2010, đến tháng 6/2010 thì đạt tốc độ tăng là 6,47% và cao nhất là tháng 12/2010 đạt 6,89%. Trong khi đó, huy động vốn bằng ngoại tệ vẫn giảm trong 8 tháng đầu năm 2010 so với tháng liền trước. Bắt đầu từ tháng 9/2010, huy động vốn ngoại tệ mới có xu hướng tăng trưởng khá (tăng 3,49% trong tháng 10/2010, 5,67% trong tháng 11/2010 và 4,7% trong tháng 12/2010 so với tháng liền trước) do nguồn thu ngoại tệ, nhất là từ hoạt động xuất khẩu tăng cao.

Xét theo các nhóm TCTD, huy động vốn của các nhóm TCTD có sự phân hóa rõ rệt, tăng mạnh tại nhóm NHTMCP và nhóm công ty tài chính, cho thuê tài chính trong khi chỉ tăng khá đối với nhóm NHTMNN và nhóm ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, tính đến cuối năm 2010, tốc độ tăng trưởng huy động vốn của nhóm NHTMCP đạt 53,98%; nhóm công ty tài chính, cho thuê tài

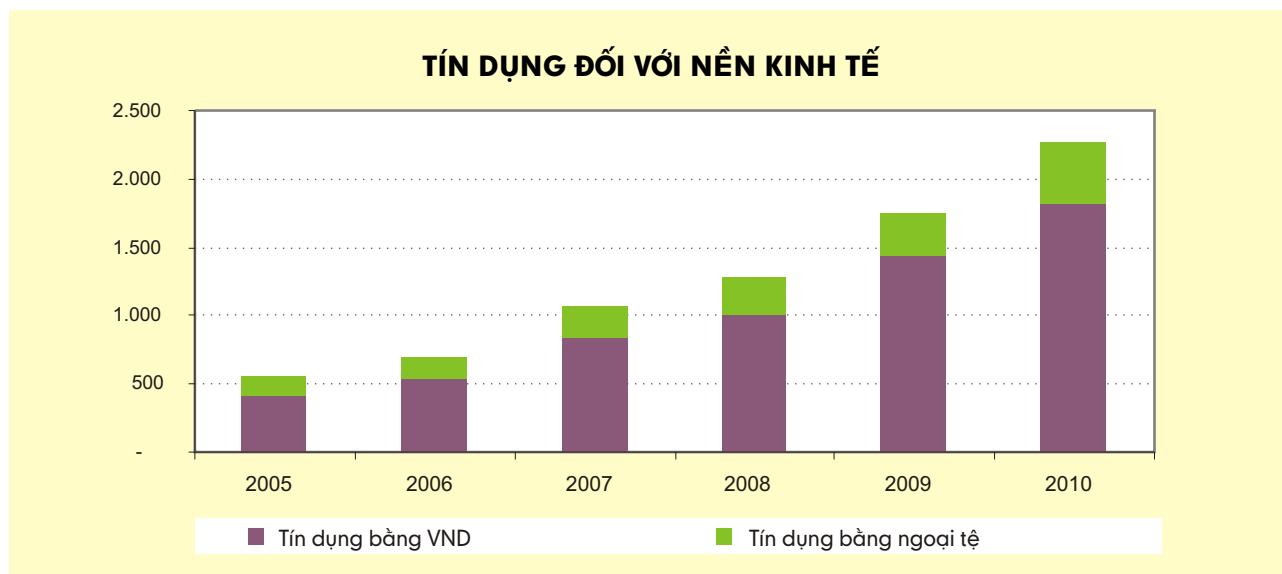
chính đạt 36,61%; nhóm NHTM nhà nước đạt 24,12%; nhóm ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đạt 17,66%.

Tín dụng

Tổng tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm trong 4 tháng đầu năm 2010, tuy nhiên đã bắt đầu có dấu hiệu tăng nhanh (tốc độ tăng phổ biến trên 2%/tháng) kể từ tháng 5/2010 cùng với nỗ lực giảm mặt bằng lãi suất của NHNN theo Nghị quyết số 18/NQ-CP. Tổng tín dụng của hệ thống ngân hàng cho nền kinh tế tính đến cuối tháng 12/2010 tăng 31,19% so với cuối năm 2009 (bình quân tháng tăng 2,6%), thấp hơn mức tăng 37,53% của năm 2009.

Xét về cơ cấu đồng tiền, hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng năm 2010 diễn biến ngược chiều so với cùng kỳ năm 2009. Tín dụng cho nền kinh tế bằng VND tăng trưởng 27,24% trong năm 2010, thấp hơn nhiều mức tăng 43,51% của cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, dư nợ tín dụng ngoại tệ tăng nhanh (tăng 48,45% trong năm 2010), gấp hơn 3,2 lần so với mức tăng của năm 2009.

Tổng tín dụng tăng trưởng khá ở tất cả

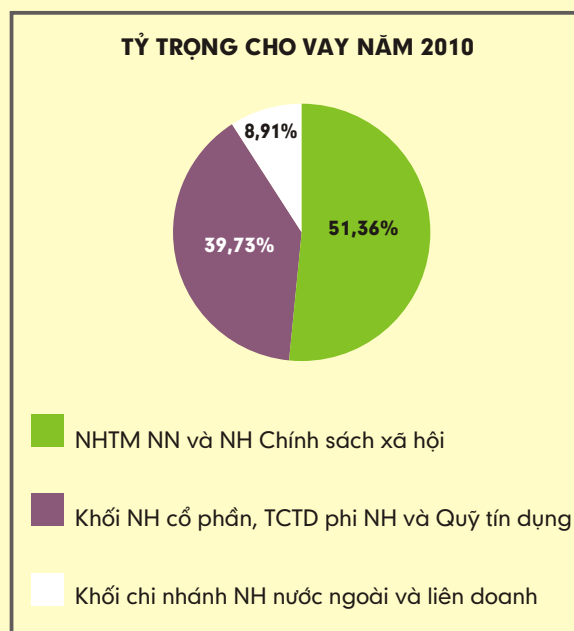
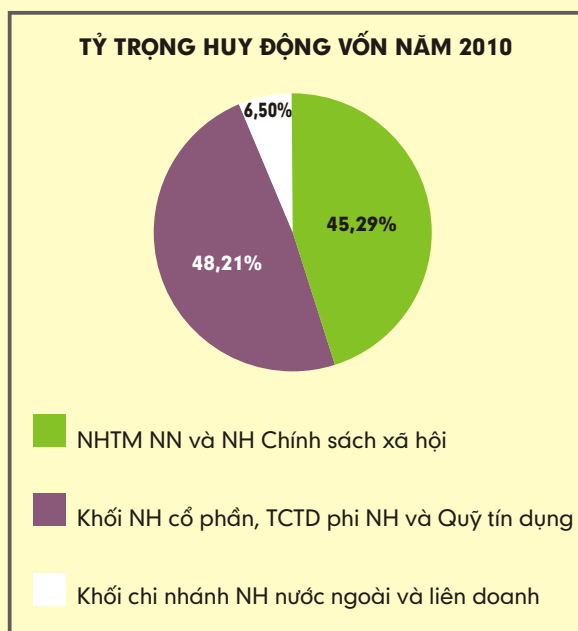


các nhóm TCTD. Trong đó nhóm NHTM cổ phần vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng cao nhất trong toàn hệ thống, đạt 44,12%. Tiếp đến là tốc độ tăng trưởng tín dụng của nhóm NHTM nhà nước đạt 27,85%. Nhóm ngân hàng liên

39,1% trong năm 2010.

Diễn biến lãi suất

Trong 10 tháng đầu năm 2010, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các TCTD có xu hướng giảm, đến cuối tháng 10, lãi suất huy



doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 24,47%. Nhóm công ty tài chính, cho thuê tài chính đạt đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 20,91%.

Cơ cấu tín dụng cho nền kinh tế theo các ngành kinh tế có sự thay đổi đáng kể so với cơ cấu của năm 2009 phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng giá trị của các ngành dịch vụ, công nghiệp và giảm dần tỷ trọng giá trị của ngành nông nghiệp trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP). So với tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống ngân hàng cho nền kinh tế, tỷ trọng tín dụng phục vụ phát triển nông thôn (gồm ngành nông- lâm- ngư nghiệp) chiếm 9,6% trong khi tỷ trọng tín dụng cho ngành công nghiệp, xây dựng đạt mức

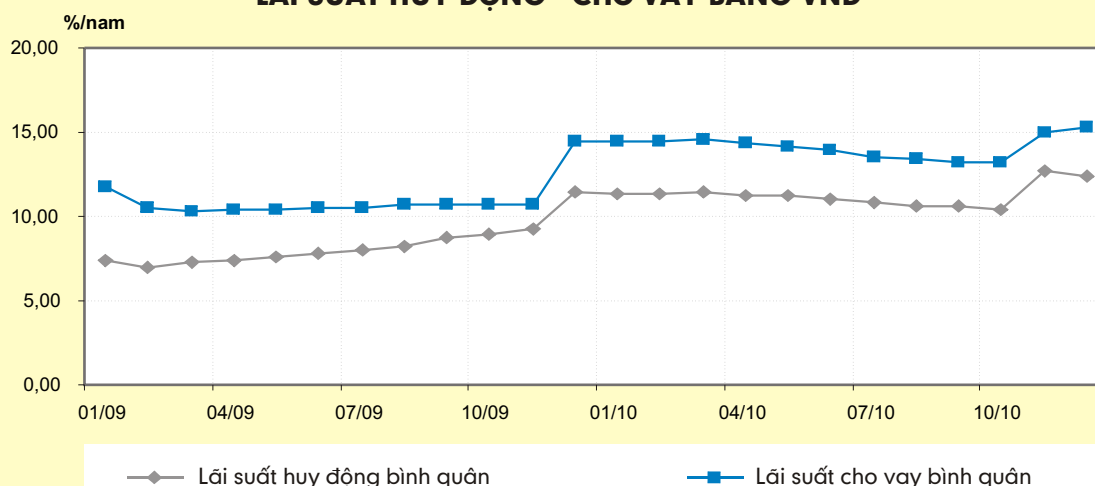
động VND giảm khoảng 1%/năm, lãi suất cho vay giảm khoảng 1,3%/năm so với cuối năm 2009.

Từ đầu tháng 11/2010, sau khi NHNN điều chỉnh tăng 1%/năm các mức lãi suất điều hành nhằm kiểm soát lạm phát, lãi suất huy động và cho vay VND tăng khoảng 2%/năm. Đến 31/12/2010, lãi suất huy động bình quân 12,44%/năm (không kỳ hạn 3%/năm, có kỳ hạn 13-14%/năm); lãi suất cho vay bình quân 15,27%/năm.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô giao dịch: Năm 2010, tổng doanh số cho vay, gửi tiền giữa các TCTD trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 5.036 nghìn tỷ đồng, tăng 1.498 nghìn tỷ đồng, tương

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG - CHO VAY BẰNG VND



đương tăng 42% so với năm 2009. Tổng doanh số giao dịch liên ngân hàng bằng USD đạt 114.036 triệu USD, tăng 9.453 triệu USD, tương đương tăng 9% so với năm 2009.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tập trung chủ yếu vào các kỳ hạn dưới 1 tháng, nhất là kỳ hạn qua đêm. Doanh số giao dịch qua đêm cả năm đạt 1.899 nghìn tỷ đồng (bằng 37,7% tổng doanh số) và 60.069 triệu USD (bằng 52,7% tổng doanh số). Hoạt động cho vay, gửi tiền liên ngân hàng năm 2010 đã góp phần không nhỏ trong việc hỗ trợ và đảm bảo khả năng thanh toán cho các TCTD, tăng cường thanh khoản cho hệ thống ngân hàng.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng

Mặt bằng lãi suất bình quân trên thị trường liên ngân hàng nhìn chung khá ổn định so với năm 2009. Tuy nhiên lãi suất bình quân các tháng cũng có những biến động, phụ thuộc vào nhu cầu vốn của các TCTD trong từng giai đoạn.

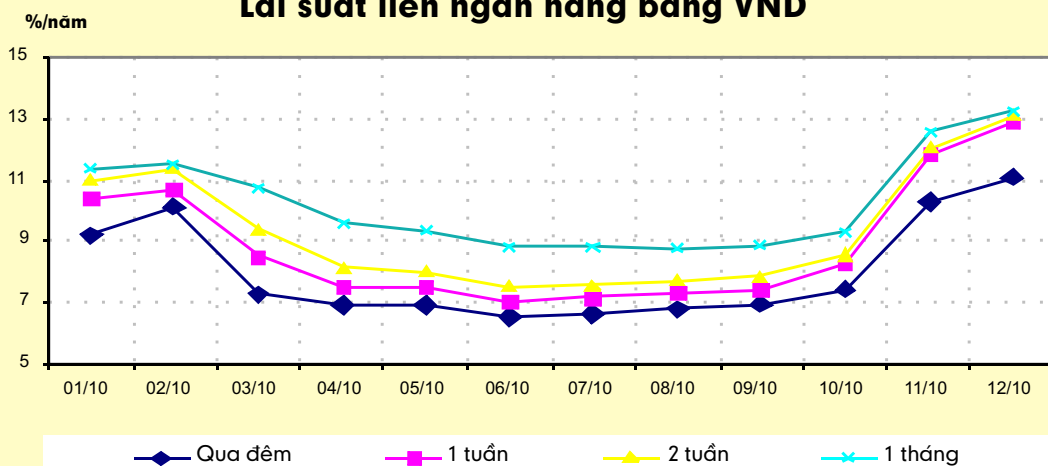
Đầu năm 2010, mặt bằng lãi suất nhìn chung đã có sự sụt giảm rõ rệt so với giai đoạn

cuối năm 2009. Cụ thể: tháng 01/2010, lãi suất qua đêm bình quân là 9,15%/năm, giảm 1,57%/năm so với mức 10,72%/năm tháng 12/2009; các kỳ hạn còn lại lãi suất cũng giảm từ 0,06% đến 1,08%/năm. Riêng lãi suất bình quân kỳ hạn 6 tháng tăng từ 10,98% lên 11,77%/năm.

Sang tháng 2/2010, do nhu cầu vốn khả dụng của các ngân hàng tăng dịp Tết Nguyên đán nên mặt bằng lãi suất lại có xu hướng tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn, đặc biệt là lãi suất qua đêm và các kỳ hạn ngắn. Bình quân lãi suất qua đêm tháng 2/2010 là 10,09%/năm, tăng 0,94% so với đầu năm; lãi suất các kỳ hạn 2 tuần đến 12 tháng luôn ở mức 11,35% trở lên.

Giai đoạn tháng 3-9/2010, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tương đối ổn định. Bình quân lãi suất qua đêm dao động từ 6,54% đến 7,29%/năm; lãi suất các kỳ hạn ngắn (1 tuần đến 1 tháng) phổ biến ở mức dưới 10%/năm. Tuy nhiên, từ tháng 10/2010, mặt bằng lãi suất lại có dấu hiệu tăng nhẹ, đặc biệt vào 2 tháng cuối năm, do nhu cầu vốn phục vụ tiêu dùng và sản xuất của các ngân hàng tăng cao nên cùng

Lãi suất liên ngân hàng bằng VND



với việc tăng lên của lãi suất huy động từ dân cư, lãi suất bình quân cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng cũng tăng khá mạnh. Lãi suất bình quân qua đêm tăng từ 10,27% tháng 11 lên 11,10% tháng 12; lãi suất các kỳ hạn còn lại cũng tăng mạnh. Riêng tháng 12/2010, lãi suất bình quân một số kỳ hạn đã lên tới trên 13%/năm, gần mức 150% lãi suất cơ bản. Lãi suất giao dịch bằng USD nhìn chung có giảm so với năm 2009 và tương đối ổn định. Lãi suất các kỳ hạn dao động trong khoảng từ 0,31% đến 3,48%/năm. Riêng lãi suất bình quân qua đêm phổ biến ở mức 0,31% - 0,73%/năm.

Diễn biến thị trường ngoại hối

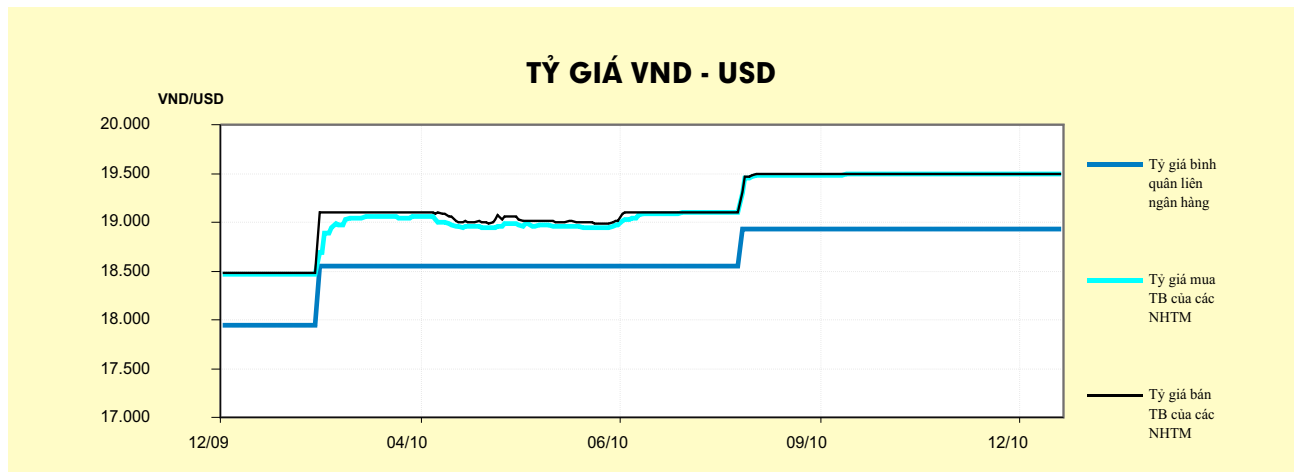
Trong năm 2010 do ảnh hưởng của diễn biến nhập siêu và lạm phát, một số thời điểm thị trường ngoại tệ có biểu hiện căng thẳng, đồng Việt Nam chịu sức ép giảm giá. Với biện pháp điều chỉnh tỷ giá cùng với các biện pháp bình ổn thị trường ngoại tệ và thị trường vàng của NHNN, thị trường ngoại hối đã tương đối ổn định. Tuy nhiên, từ tháng 8/2010, do nhu cầu nhập khẩu cao tỷ giá USD/VND có chiều hướng tăng trở lại. Sau khi Ngân hàng Nhà nước triển khai can thiệp hỗ trợ ngoại tệ theo

chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc bình ổn thị trường ngoại tệ, duy trì ổn định tỷ giá, góp phần hạn chế nhập siêu, thị trường ngoại hối đã có những biểu hiện theo hướng tích cực hơn. Tính đến ngày 31/12/2010, tỷ giá bình quân liên ngân hàng ở mức 18.932 VND/USD, tăng khoảng 5,52% so với đầu năm; tỷ giá niêm yết mua, bán USD/VND của các ngân hàng thương mại phổ biến ở mức 19.495/19.500 VND/USD, tăng 5,53% so với thời điểm đầu năm.

Diễn biến giá vàng

Giá vàng trong nước năm 2010 tăng 34,91% so với cuối năm 2009 chủ yếu do giá vàng thế giới tăng. Bên cạnh đó, tâm lý mua vàng để dự trữ do diễn biến kinh tế trong nước chưa vững chắc và áp lực lạm phát vẫn ở mức cao là một nhân tố quan trọng tác động làm tăng giá vàng.

Trong các tháng đầu năm, giá vàng trong nước tăng thấp hơn giá vàng thế giới do tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư vàng sau biến động mạnh của giá vàng vào cuối năm 2009, đồng thời do tác động sau khi ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc đóng



cửa các sàn giao dịch vàng trong nước và các tài khoản giao dịch vàng ở nước ngoài của các tổ chức kinh tế đã đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn hoạt động đầu cơ vàng, gây bất ổn thị trường. Sang các tháng cuối năm, tình hình diễn biến ngược lại, mức tăng của giá vàng trong nước thường cao hơn mức tăng của giá vàng thế giới và lên mức cao nhất là 38,2 triệu đồng/lượng vào ngày 9/11/2010 do giá vàng thế giới tăng mạnh cùng với lạm phát

trong nước tăng nhanh làm gia tăng nhu cầu mua vàng như một phương tiện tích trữ. Tuy nhiên, sau khi NHNN cho phép một số công ty nhập khẩu vàng cộng với giá vàng thế giới giảm, giá vàng trong nước đã giảm trở lại và giao động ở mức độ vừa phải cho đến cuối năm.

Năm 2010, NHNN điều hành chính sách tiền tệ chủ động, thận trọng và linh hoạt theo nguyên tắc thị trường nhằm ổn định thị trường tiền tệ, đảm bảo khả năng thanh khoản của từng tổ chức tín dụng và cả hệ thống ngân hàng.

Nghịệp vụ thị trường mở

Năm 2010, nghiệp vụ thị trường mở được điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến cung cầu vốn trên thị trường, góp phần ổn định lãi suất thị trường: Hàng ngày, NHNN thực hiện giao dịch chào mua GTCG với kỳ hạn ngắn (7, 14, 28 ngày) chủ yếu để hỗ trợ vốn thanh toán VND cho các TCTD, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, đồng thời hỗ trợ các TCTD giảm mặt bằng lãi suất huy động vốn theo chỉ đạo của Chính phủ và kiểm soát tiền tệ chặt chẽ trong những tháng cuối năm 2010 trước áp lực lạm phát tăng cao trở lại.

Trong 9 tháng đầu năm, nghiệp vụ thị trường mở được điều hành nhằm hỗ trợ vốn thanh toán VND cho các TCTD, ổn định thị trường tiền tệ và hỗ trợ các TCTD giảm mặt bằng lãi suất huy động vốn: Thực hiện chào mua GTCG với kỳ hạn 7, 14 và 28 ngày; lãi suất được điều chỉnh giảm (lãi suất kỳ hạn 7 ngày giảm từ 7,8%/năm xuống 7,5%/năm và xuống 7,0%/năm, lãi suất kỳ hạn 14 ngày từ 8,0%/năm xuống 7,5%/năm, 28 ngày là 8%/năm); khối lượng chào mua bình quân khoảng 5.400 tỷ đồng/phiên, khối lượng trúng thầu bình quân khoảng 3.200 tỷ đồng/phiên.

Ba tháng cuối năm, trong bối cảnh áp lực lạm phát tăng cao, tín dụng và tổng phương

tiện thanh toán vượt mục tiêu, nghiệp vụ thị trường mở được điều hành chặt chẽ hơn nhưng đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ thông qua việc giảm dần kỳ hạn chào mua từ dài nhất là 28 ngày xuống chỉ thực hiện chào mua với kỳ hạn 7 ngày từ ngày 10/11/2010); lãi suất chào mua kỳ hạn 7 ngày tăng từ 7,0-8,75-9,0-10%/năm; khối lượng chào mua bình quân khoảng 7.160 tỷ đồng/phiên, khối lượng trúng thầu bình quân khoảng 6.970 tỷ đồng/phiên.

Cùng với việc điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, nghiệp vụ thị trường mở đã góp phần ổn định thị trường tiền tệ, đảm bảo an toàn thanh toán cho hệ thống các TCTD; lãi suất thị trường liên ngân hàng có xu hướng xoay quanh lãi suất nghiệp vụ thị trường mở.

Tái cấp vốn

Trong năm 2010, NHNN tiếp tục thực hiện tái cấp vốn để bổ sung nguồn vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các TCTD. Các TCTD sử dụng các giấy tờ có giá và hồ sơ tín dụng có chất lượng tốt để làm tài sản cầm cố vay tái cấp vốn. NHNN đã cho các TCTD vay tái cấp vốn chủ yếu với kỳ hạn 1 tháng, 2 tháng để đảm bảo thanh khoản. Vào thời điểm cuối năm và dịp Tết Nguyên Đán khi nhu cầu rút tiền gửi tổ chức kinh tế và dân cư lớn, NHNN đã cho vay tái cấp vốn các TCTD để kịp thời đáp ứng nhu cầu thanh khoản. Bên cạnh đó, NHNN cũng thực hiện tái cấp vốn kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng để cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp

nông thôn và Thông tư 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Lãi suất tái cấp vốn được duy trì ở mức 8%/năm từ đầu năm đến đầu tháng 11/2010 và từ ngày 5/11/2010 được nâng lên ở mức 9%/năm khi lãi suất cơ bản điều chỉnh tăng lên 9%/năm.

Hoán đổi ngoại tệ

NHNN đã thực hiện hoán đổi ngoại tệ với các TCTD kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng để hỗ trợ thanh khoản và vốn ngắn hạn bằng VND tạo điều kiện cho các TCTD cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, đồng thời có thêm nguồn ngoại tệ để can thiệp thị trường ngoại hối.

Từ đầu năm đến nửa đầu tháng 4, NHNN thực hiện giao dịch với kỳ hạn 1 tháng với lãi suất hoán đổi ngoại tệ điều chỉnh giảm từ 8,5%/năm xuống 7,5%/năm để tạo điều kiện cho các TCTD cho vay theo lãi suất thỏa thuận. Từ cuối tháng 4 đến 10/10/2010, NHNN thực hiện hoán đổi ngoại tệ với kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 8,0%/năm. Và từ tháng 10/2010, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1875/CT-TTg ngày 11/10/2010 về việc tăng cường các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường những tháng cuối năm 2010, để rút nhanh tiền ra khỏi lưu thông để giảm bớt áp lực tăng giá, nhất là vào dịp cuối năm, NHNN tạm dừng thực hiện nghiệp vụ Swap với các TCTD.

Dự trữ bắt buộc

Năm 2010, NHNN duy trì các tỷ lệ DTBB

đối với tiền gửi VND ở mức thấp, cụ thể kỳ hạn dưới 12 tháng là 3% và kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 1% nhằm thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về việc giảm dần lãi suất cho vay. Ngày 29/9/2010, NHNN ban hành Thông tư số 20/2010/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn. Theo đó, đối với các TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ từ 70% trở lên được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 1/20 so với tỷ lệ dự trữ bắt buộc thông thường và tỷ trọng từ 40-70% được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 1/5 so với tỷ lệ dự trữ bắt buộc thông thường tương ứng với từng kỳ hạn tiền gửi. Trong năm 2010, đã có 4 TCTD được giảm tỷ lệ DTBB theo Thông tư 20/2010/TT-NHNN với tổng số tiền phải DTBB giảm khoảng 2.200 tỷ đồng.

Đối với tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ, đầu năm 2010, NHNN điều chỉnh giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ dưới 12 tháng từ 7% xuống 4% (giảm 3%), đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên giảm từ 3% xuống 2% (giảm 1%) để hỗ trợ TCTD tăng cung vốn ngoại tệ nhằm giảm lãi suất huy động và cho vay bằng ngoại tệ.

Điều hành lãi suất

Trong năm 2010, NHNN điều hành linh hoạt các mức lãi suất điều hành của NHNN để kiểm soát lãi suất thị trường ở mức cân bằng với các điều kiện và mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Theo đó, trong 10 tháng đầu năm 2010, NHNN giữ ổn định lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm

trong thanh toán điện tử liên ngân hàng, ban hành Thông tư số 07/2010/TT-NHNN ngày 16/02/2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn TCTD cho vay bằng VND đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Từ tháng 11/2010, NHNN điều chỉnh tăng 1%/năm các mức lãi suất điều hành, cụ thể: Lãi suất cơ bản tăng từ 8%/năm lên 9%/năm, lãi suất tái cấp vốn tăng từ 8%/năm lên 9%/năm, lãi suất chiết khấu tăng từ 6,0%/năm lên 7%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng tăng từ 8,0%/năm lên 9%/năm nhằm kiểm soát lạm phát, cân bằng giữa lãi suất VND - lãi suất USD để ngăn ngừa việc dịch chuyển tiền gửi VND sang USD; chỉ đạo các TCTD ấn định lãi suất huy động bằng VND không quá 14%/năm và tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện lãi suất huy động, cho vay của các TCTD nhằm hạn chế tình trạng xáo trộn thị trường tiền tệ.

Kiểm soát tín dụng

NHNN triển khai các biện pháp chỉ đạo và điều hành tín dụng đồng bộ với các giải pháp về điều hành các công cụ chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát và tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD mở rộng tín dụng có hiệu quả đối với nền kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vay vốn để phục vụ sản xuất - kinh doanh với lãi suất hợp lý và đảm bảo an toàn hệ thống TCTD; tiếp tục điều chỉnh mạnh cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ tín dụng có mức độ rủi ro cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng phục vụ nền kinh tế và hạn chế rủi ro đối với hệ thống ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Năm 2010, tỷ giá và các biện pháp quản lý ngoại hối được thực hiện linh hoạt nhằm chống suy giảm Dự trữ ngoại hối Nhà nước, phù hợp với tín hiệu thị trường, kiểm soát nhập siêu và ngăn ngừa nguy cơ rủi ro về thanh khoản và tỷ giá.

Điều hành tỷ giá

Trong năm 2010, NHNN đã 2 lần điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa đồng Việt Nam và đôla Mỹ (điều chỉnh tăng 3,36% lên mức 18.544 VND/USD ngày 11/2/2010 và tăng 2,1% lên mức 18.932 VND/USD ngày 18/8/2010); biên độ tỷ giá được duy trì ở mức $\pm 3\%$. Việc điều chỉnh tỷ giá được triển khai đồng bộ với các biện pháp khác như quy định lãi suất tiền gửi tối đa bằng USD áp dụng đối với các tổ chức kinh tế là 1%/năm; thường xuyên can thiệp mua, bán ngoại tệ ở mức hợp lý để điều tiết cung-cầu ngoại tệ, tăng tính thanh khoản cho thị trường và hỗ trợ ngoại tệ cho nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất trong nước; chỉ đạo các TCTD triển khai sâu rộng việc mua ngoại tệ của một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước để tăng nguồn cung cho thị trường; tập trung ngoại tệ cho vay nhập khẩu những mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất mà trong nước chưa sản xuất được; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về quản lý ngoại hối của các TCTD; chấn chỉnh hoạt động của các đại lý đổi ngoại tệ.

Quản lý dự trữ ngoại hối

Công tác quản lý Dự trữ ngoại hối Nhà

nước trong năm 2010 tiếp tục đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời, quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước chỉ giảm nhẹ. Vào thời điểm thị trường ngoại hối mất cân đối cung cầu, Dự trữ ngoại hối Nhà nước đã được sử dụng linh hoạt để bình ổn thị trường ngoại hối, ổn định kinh tế vĩ mô.

Quản lý hoạt động kinh doanh vàng

NHNN đã tăng cường các biện pháp quản lý và điều tiết thị trường, chỉ đạo các TCTD thực hiện nghiêm túc việc đóng cửa sàn vàng và tắt toán trạng thái kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài; cho phép xuất, nhập khẩu vàng để điều tiết thị trường. Đồng thời, NHNN ban hành Thông tư thu hẹp hoạt động huy động và cho vay bằng vàng của các TCTD, góp phần ổn định thị trường vàng trong nước, giảm thiểu hoạt động đầu cơ vàng. Theo đó, về cơ bản, trong năm 2010, diễn biến giá vàng trong nước phù hợp với giá vàng thế giới.

Năm 2010, NHNN tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động thanh tra, giám sát; xây dựng chính sách; quản lý cấp phép; phòng chống, rửa tiền và xét giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đồng thời, NHNN cũng xử lý nhiều nhiệm vụ đột xuất về công tác thanh tra, giám sát để ứng phó với những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đối với hoạt động tiền tệ, ngân hàng trong nước.

Công tác thanh tra, giám sát

Hoạt động thanh tra

Trong năm 2010, NHNN đã thực hiện hơn 1.500 cuộc thanh tra, kiểm tra, tập trung vào các nội dung chính gồm: (1) Thanh tra, kiểm tra các TCTD trong việc cho vay hỗ trợ lãi suất; (2) Thanh tra cho vay theo lãi suất thỏa thuận phục vụ đời sống và cho vay qua phát hành thẻ tín dụng; (3) Thanh tra hoạt động mua bán, thu đổi ngoại tệ; niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ, hoạt động sàn vàng; (4) Thanh tra tín dụng, bảo lãnh; kiểm tra, kiểm soát nội bộ; quản trị, điều hành; (5) Thanh tra việc huy động vốn, khuyến mại tiền gửi và thu phí cho vay bằng VND; (6) Thanh tra quỹ đầu tư phát triển; dịch vụ tiết kiệm bưu điện; quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; hoạt động tín dụng nội bộ hợp tác xã; (7) Kiểm tra chấp hành chế độ quản lý ngoại hối; Thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương; kiểm tra việc xếp loại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở; (8) Thực hiện thanh tra hành chính; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các đơn vị trong ngành Ngân hàng thực hiện các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo;

phòng, chống tham nhũng và tội phạm; tổ chức tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý, thẩm tra, xác minh đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh các cuộc thanh tra, kiểm tra trực tiếp, NHNN đã thành lập các tổ công tác hoặc tổ chức các cuộc tiếp xúc, làm việc với các TCTD, nắm bắt kịp thời các vấn đề về tình hình tổ chức và hoạt động; cũng như các vấn đề phát hiện qua hoạt động giám sát để có những cảnh báo, khuyến nghị với các TCTD để phòng tránh và hạn chế những rủi ro trong quá trình hoạt động.

Kết quả thanh tra, kiểm tra không những đã chỉ ra những tồn tại, sai phạm, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của TCTD, của thị trường tiền tệ, từ đó tiến hành xử lý theo thẩm quyền và đưa ra những yêu cầu, cảnh báo cần thiết; mà còn phát hiện những sơ hở trong cơ chế, chính sách có liên quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh; trong đó có các cơ chế chính sách về cho vay hỗ trợ lãi suất, quản lý ngoại hối, phục vụ kịp thời chỉ đạo của Thống đốc NHNN.

Hoạt động giám sát từ xa

Năm 2010, Dự án “Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa” đã được tập trung triển khai; các mẫu biểu báo cáo, các chỉ tiêu phân tích, đánh giá được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát từ xa, từng bước hướng tới mục tiêu cảnh báo sớm rủi ro cho TCTD. Phương án xử lý thông tin phục vụ công tác Quản lý hệ thống QTDND, Dự án Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa đã được triển khai, là tiền đề cho quá trình đổi mới căn bản hoạt động giám sát ngân hàng.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động và vấn đề bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng, NHNN đã tập trung triển khai: (1) Nghiên cứu sửa đổi các văn bản hiện hành, cũng như xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mới tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của các TCTD như Thông tư quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn; Thông tư quy định về việc phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng; Thông tư quy định về việc kiểm soát đặc biệt đối với TCTD; Thông tư yêu cầu tối thiểu về quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng. (2) Yêu cầu các TCTD tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, trong đó, tập trung tăng vốn điều lệ theo Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 về ban hành danh mục vốn pháp định của các TCTD. (3) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các TCTD có dấu hiệu hoạt động kém an toàn, có sai phạm nghiêm trọng qua giám sát, thanh tra. Kiên quyết yêu cầu các TCTD khắc phục sai phạm, tồn tại phát hiện qua thanh tra và đồng thời yêu cầu các TCTD chấn chỉnh việc ban hành các quy trình nghiệp vụ, tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ và thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn trong hoạt động để giảm thiểu tối đa rủi ro. (4) Từng bước triển khai áp dụng phương pháp thanh tra, giám sát rủi ro theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế kết hợp với thanh tra, giám sát chấp hành chính sách pháp luật nhằm đảm bảo cho các TCTD hoạt động an toàn và theo đúng quy định của luật pháp; thực hiện theo nguyên tắc thanh tra toàn bộ hoạt động của TCTD. (5) Phối hợp với NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trong thanh tra, giám sát, xử lý sau thanh tra nhằm đảm bảo an toàn,

ổn định hoạt động của hệ thống TCTD. (6) Thực hiện công tác quản lý, cấp phép các TCTD và hoạt động ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đảm bảo các tổ chức được cấp phép thành lập mới có năng lực tài chính tốt, công nghệ hiện đại; đồng thời, tạo điều kiện cho các TCTD nói chung đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ để tăng tiện ích cho khách hàng và nền kinh tế, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Năm 2010, NHNN đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, cũng như thực hiện vai trò đầu mối của Việt Nam trong nhóm Châu Á-Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền. Hiện nay, NHNN đang tập trung vào việc xây dựng dự thảo Luật phòng, chống rửa tiền; vận hành hệ thống công nghệ thông tin; tiếp nhận và xử lý các báo cáo theo quy định của pháp luật; đảm bảo thực hiện trách nhiệm của Việt Nam theo các quy định của quốc tế về phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố.

Hoạt động phát hành và điều hoà tiền mặt

Năm 2010, NHNN chủ động nghiên cứu, xây dựng kế hoạch in tiền một cách khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn. Trên cơ sở theo dõi sát diễn biến thu, chi tiền mặt, NHNN đã tổ chức điều hoà tiền mặt kịp thời, linh hoạt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thanh toán của nền kinh tế cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá. Bên cạnh đó, NHNN đã phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện tuyên truyền tới người dân thay đổi nhận thức và thói quen sử dụng tiền mới vào các dịp lễ, Tết.

Thực hiện chủ trương nâng cao chất lượng tiền trong lưu thông, NHNN đã chỉ đạo các TCTD, Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác phân loại, thu hồi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông và tổ chức kiểm tra việc thực hiện, nhờ vậy mà chất lượng đồng tiền trong lưu thông đã được cải thiện đáng kể.

Hoạt động đảm bảo an toàn kho quỹ

Công tác an toàn kho quỹ trong toàn ngành được đảm bảo mặc dù khối lượng tiền mặt thu chi, bảo quản, vận chuyển ngày càng tăng cả về số lượng và giá trị. Các TCTD đã chủ động ứng dụng công nghệ mới, từng bước hiện đại hoá nghiệp vụ ngân quỹ như: xây dựng Trung tâm xử lý tiền, trang bị nhiều máy ATM, trang bị các thiết bị kiểm đếm, đóng gói tự động... nhằm đáp ứng nhu cầu về dịch vụ ngân quỹ ngày càng cao của xã hội.

NHNN và các TCTD đã chú trọng trang bị xe chuyên dùng chở tiền; đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo kho tiền, trang bị cửa kho

tiền có chất lượng, lắp hệ thống camera, các hệ thống thiết bị an toàn... cho kho tiền và quầy giao dịch, nhằm tăng cường công tác an toàn trong giao dịch, bảo quản và vận chuyển trên đường.

Hoạt động phòng chống tiền giả

Năm 2010, NHNN đã triển khai Dự án “Nâng cao hiệu quả biện pháp ngăn chặn tiền giả lưu hành trong hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước”, thường xuyên thu thập, trao đổi thông tin để nắm tình hình về tiền giả; tổ chức giám định tiền giả, tiền nghi giả và thông tin, cảnh báo kịp thời tiền giả mới xuất hiện, đồng thời tăng cường các biện pháp phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả. Tháng 11/2010, NHNN đã phát hành cuốn tài liệu và Áp phích “Tiền Việt Nam và cách nhận biết” rộng rãi trong cả nước; đăng tải trên webiste của NHNN và các phương tiện thông tin truyền thông để hướng dẫn người tiêu dùng cách kiểm tra, nhận biết tiền thật; cảnh báo về thủ đoạn tiêu thụ tiền giả của bọn tội phạm và thông tin về pháp luật bảo vệ tiền Việt Nam.

Trong năm 2010, các hệ thống thanh toán nói chung đã có những bước phát triển đáng kể theo hướng hiện đại; các hệ thống thanh toán quan trọng do NHNN tổ chức, quản lý và vận hành đã hoạt động ổn định, an toàn, phát huy hiệu quả, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

Sự phát triển và hiện đại hóa hệ thống thanh toán

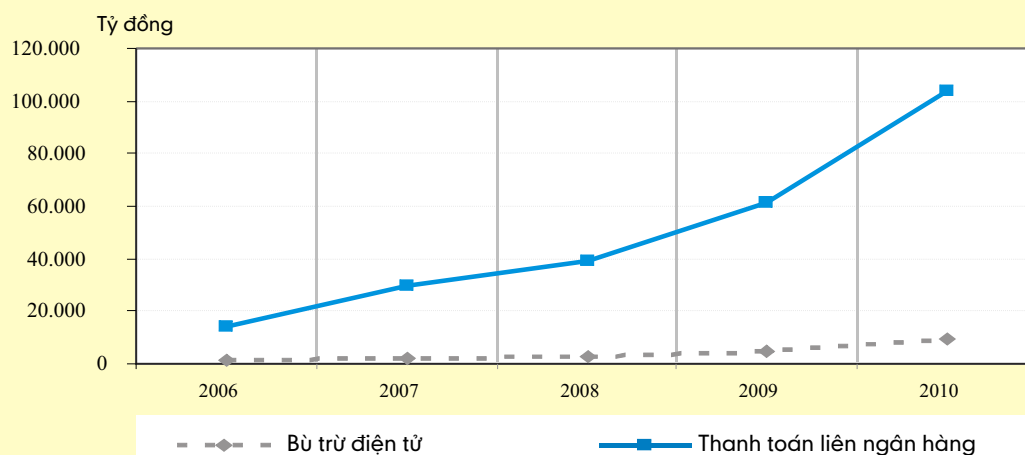
Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) giai đoạn 2 hoàn thành, đã triển khai mở rộng tới 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, 03 đơn vị thuộc NHNN, kết nối 97 TCTD với gần 800 đơn vị thành viên trực tiếp (chi nhánh trên phạm vi toàn quốc); trung bình xử lý khoảng 70.000 giao dịch/ngày với doanh số trung bình trên 100.000 tỷ đồng/ngày; tổng giá trị giao dịch năm 2010 qua hệ thống TTĐTLNH đạt trên 26 triệu tỷ đồng với hơn 17 triệu giao dịch, tăng khoảng 70% so với tổng giá trị giao dịch

qua hệ thống trong năm 2009. Hệ thống TTĐTLNH đã tạo lập được một hạ tầng công nghệ tiên tiến, hiện đại, các quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa theo chuẩn quốc tế, tạo điều kiện nắm bắt được các thông tin về dòng chu chuyển vốn của cả nền kinh tế để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước.

Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử được triển khai trên địa bàn tỉnh, thành phố do NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố chủ trì tổ chức, quản lý và vận hành. Đến cuối năm 2010, hệ thống đã được triển khai rộng khắp trên toàn quốc (ngoại trừ 5 tỉnh, thành phố đã triển khai Hệ thống TTĐTLNH là: Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Đà Nẵng, áp dụng hình thức thanh toán bù trừ giấy); toàn hệ thống có hơn 900 thành viên (ngoài ra còn hơn 230 thành viên thực hiện thanh toán bù trừ giấy tại 5 địa bàn nêu trên), với khối lượng giao dịch trong năm 2010 đạt khoảng 9,5 triệu giao dịch, đạt xấp xỉ 2 triệu tỷ đồng, tăng hơn 90% so với tổng giá trị giao dịch trong năm 2009.

Ba liên minh thẻ Banknetvn-Smartlink-

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH BÌNH QUÂN HÀNG NGÀY CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN



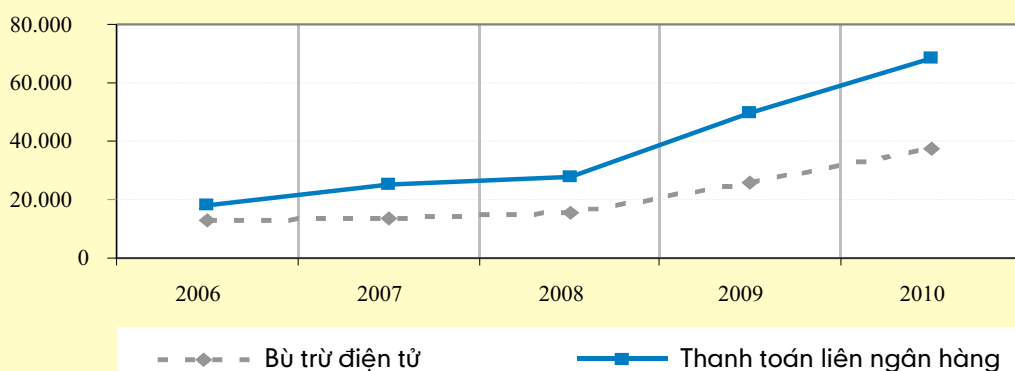
VNBC hoàn thành kết nối liên thông hệ thống ATM trên phạm vi toàn quốc, cho phép chủ thẻ của 3 liên minh thẻ có thể thực hiện các giao dịch trên hệ thống ATM của nhau. Các công ty chuyển mạch, các NHTM đã triển khai làm điểm kết nối liên thông hệ thống POS của 8 NHTM trên địa bàn Hà Nội (tháng 9/2010) và 15 NHTM trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh (tháng 12/2010), qua đó chủ thẻ của các ngân hàng có thể sử dụng thẻ để thanh toán tại POS của các ngân hàng còn lại tại các đơn vị chấp nhận thẻ được chọn làm điểm trên địa bàn Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Sự phát triển các dịch vụ, phương tiện thanh toán hiện đại

Các phương tiện thanh toán mới, hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao như thẻ ngân hàng, Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Home Banking, Ví điện tử,... đã dần được sử dụng rộng rãi trong các giao dịch thanh toán. Đến cuối năm 2010, đã có 49 tổ chức phát hành thẻ với trên 230 thương hiệu thẻ, số lượng thẻ phát hành trên phạm vi cả nước đạt hơn 30,7 triệu thẻ, hơn

11.000 ATM và gần 52.000 POS/EDC được lắp đặt (tăng tương ứng 1,4 lần; 1,2 lần và 1,5 lần so với cuối năm 2009); cho phép 01 NHTM được triển khai dịch vụ Mobile Banking, 01 NHTM và 08 tổ chức không phải ngân hàng được thực hiện thí điểm dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử. Việc triển khai Chỉ thị 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ Ngân sách nhà nước đã đạt được những kết quả khả quan sau 3 năm triển khai thực hiện. Đến cuối năm 2010, số đơn vị hưởng lương từ Ngân sách nhà nước đã thực hiện trả lương qua tài khoản ngân hàng là 43.953 đơn vị (đạt trên 54% số đơn vị hưởng lương từ Ngân sách nhà nước trên toàn quốc), tăng 11.822 đơn vị so với cuối năm 2009.

SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH BÌNH QUÂN NGÀY CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN



Năm 2010, hoạt động thông tin tín dụng Việt Nam có sự thay đổi ấn tượng với mức độ thuận lợi trong tiếp cận tín dụng của Việt Nam được tăng lên hạng 15/183 nước, tăng 15 bậc so với báo cáo năm 2010, góp phần đưa Việt Nam lên hạng thứ 78/183 nước về mức độ thuận lợi trong môi trường kinh doanh, tăng 10 bậc so với năm 2010 tại Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2011 của Ngân hàng Thế giới (WB).

Hoạt động thông tin tín dụng công

Hoạt động của Trung tâm Thông tin tín dụng NHNN (CIC) trong các năm gần đây hoạt động ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch thông tin, ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động tín dụng, ngân hàng, cụ thể:

Về cơ sở dữ liệu, hiện kho dữ liệu của CIC đã lưu trữ gần 19 triệu hồ sơ khách hàng vay, trong đó hơn 300.000 hồ sơ khách hàng doanh nghiệp và hơn 18 triệu hồ sơ khách hàng vay cá nhân, các hồ sơ này vẫn liên tục được cập nhật, hướng tới mục tiêu năm 2015 đạt khoảng 30 triệu hồ sơ khách hàng vay để cung cấp kịp thời thông tin cho các tổ chức tín dụng.

Về chất lượng thông tin: các dữ liệu thông tin tín dụng về khách hàng và các thay đổi về dư nợ được cập nhật trực tiếp từ các TCTD và thường được thực hiện ngay trong ngày làm việc, do đó thông tin do CIC luôn bảo đảm chất lượng và tính kịp thời.

Về sự đa dạng trong sản phẩm: CIC đang cung cấp gần 30 sản phẩm thông tin tín dụng được phân loại theo 4 nhóm: Báo cáo thông tin tín dụng trong nước; Báo cáo thông tin tín

dụng doanh nghiệp nước ngoài; Báo cáo xếp hạng tín dụng và Báo cáo thông tin cảnh báo tín dụng. Hiện nay, mỗi ngày CIC cung cấp khoảng 5.000 đến 6.000 bản báo cáo thông tin tín dụng cho các đối tượng, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng đa dạng và khắt khe của người sử dụng.

Sắp tới, CIC tiếp tục tập trung nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thu thập thông tin, đa dạng hóa sản phẩm phục vụ cho không chỉ đối tượng cán bộ tín dụng, mà mở rộng nhiều đối tượng trong hệ thống tổ chức tín dụng như: sản phẩm phục vụ yêu cầu quản lý rủi ro tín dụng; yêu cầu kiểm soát nội bộ; phục vụ cho các đối tượng quản trị ngân hàng... đáp ứng các yêu cầu trung thực, kịp thời, đầy đủ về khách hàng vay.

Hoạt động thông tin tín dụng tư nhân

Trong năm 2010, Việt Nam đã hoàn thành cơ sở pháp lý về hoạt động thông tin tín dụng tư nhân thông qua việc ban hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/2/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng và Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 24/06/2010 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Nghị định và Thông tư đã quy định khá chi tiết về điều kiện, thủ tục hoạt động thông tin tín dụng tư nhân, các nguyên tắc hoạt động đáp ứng yêu cầu minh bạch về thông tin, các quy định về bảo vệ quyền lợi của khách hàng vay và hoạt động thanh tra giám sát hoạt động thông tin tín dụng. Theo các quy định trên, trong thời gian tới, bên cạnh CIC là cơ quan thông tin tín dụng công của Nhà nước, sẽ có một số Công ty thông tin tín

dụng tư nhân.

Việc xuất hiện của Công ty thông tin tín dụng tư nhân sẽ góp phần hoàn thiện Kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia. Bởi lẽ hiện tại, mặc dù kho dữ liệu của CIC rất lớn, tuy nhiên chủ yếu là thông tin về dư nợ và lịch sử quan hệ tín dụng, tình trạng tài sản bảo đảm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp khách hàng vay do các thông tin tín dụng cung cấp. Các thông tin về tín dụng thương mại, mua bán hàng trả chậm, trả góp; tình hình thanh toán các nghĩa vụ nợ như hoá đơn điện, nước hoặc các giao dịch khác có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê... còn khá hạn chế. Nghị định 10/2010/NĐ-CP ra đời là cơ sở pháp lý quan trọng để khắc phục tình trạng này.

Hoạt động thông tin tín dụng Việt Nam trong thời gian qua đã và đang được WB và

các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Tin tưởng rằng trong thời gian tới, với những cải cách trong hoạt động thông tin tín dụng của CIC và sự tham gia của các Công ty thông tin tín dụng tư nhân sẽ góp phần minh bạch thông tin, ngăn ngừa rủi ro, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho hoạt động tín dụng, ngân hàng nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung.

Việc cải cách hoạt động thông tin tín dụng được đánh giá dựa trên các chỉ số: Mức độ bảo vệ quyền lợi của người vay (0-10); Độ đầy đủ của thông tin tín dụng (0-6); Độ phủ thông tin của cơ quan đăng ký tín dụng công (% người trưởng thành); Độ phủ thông tin của cơ quan đăng ký tín dụng tư nhân (% trên số người trưởng thành).

Báo cáo môi trường kinh doanh của WB về chỉ tiêu hoạt động thông tin tín dụng của Việt Nam trong giai đoạn 2009-2011

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
-Mức độ bảo vệ quyền lợi của người vay (thang điểm từ 0-10) - Strength of legal rights index	6	8	8
Độ đầy đủ của TTĐD (thang điểm từ 0-6)	3	4	5
Độ phủ của cơ quan đăng ký công (tỷ lệ % trên số người trưởng thành >15 tuổi) - Public credit registry coverage	9,2	19,0	26,4
Độ phủ của cơ quan đăng ký tư nhân (tỷ lệ % người trưởng thành >15 tuổi) - Private credit bureau coverage	0,0	0,0	0,0

Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ NHNN trong năm 2010 đã triển khai khá toàn diện trên các mặt hoạt động, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và hạn chế rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của NHNN.

Trong năm 2010, NHNN đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tại 13 đơn vị thuộc NHNN (01 đơn vị sự nghiệp và 12 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố); Kiểm toán tuân thủ và hoạt động tại 16 đơn vị (05 đơn vị Vụ, Cục và 11 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố); Kiểm toán 10 dự án đầu tư xây dựng; Kiểm toán tin học tại 10 đơn vị NHNN; Kết hợp kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ, hoạt động tại các đơn vị NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, đã tiến hành kiểm toán hoạt động kho quỹ tại 12 đơn vị NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố có quản lý kho tiền. Ngoài ra còn thực hiện việc giám sát qua mạng máy tính đối với chương trình kế toán giao dịch tại Sở giao dịch NHNN và giám sát hoạt động kho quỹ của toàn hệ thống.

Trọng tâm của việc chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2010 là kiểm toán trên cơ sở đánh giá rủi ro, do đó ngay từ khâu lập kế hoạch cho đến khi xây dựng đề cương chi tiết đều chú trọng và xác định những nội dung có rủi ro cao để tiến hành kiểm toán. Từng bước vận dụng phương pháp, kỹ thuật kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế.

Kết quả hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ đã phân tích được những điểm tích cực

và cũng chỉ ra những điểm tồn tại, những tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động, kiến nghị biện pháp xử lý những tồn tại trong việc thực hiện pháp luật Nhà nước, chế độ quản lý tài chính, xây dựng cơ bản, an toàn kho quỹ và các cơ chế nghiệp vụ khác của NHNN; kiến nghị bổ sung, sửa đổi những bất cập, vướng mắc nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, quy trình nghiệp vụ. Đồng thời, kiểm toán nội bộ đã tư vấn giúp đơn vị các giải pháp xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả hơn. Do đó, chất lượng kiểm soát, kiểm toán nội bộ ngày càng được nâng lên, góp phần đảm bảo cho các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước hoạt động đúng hành lang pháp luật - an toàn - hiệu quả.

Trong năm 2011, NHNN sẽ tiến hành từng bước rà soát lại các văn bản có liên quan đến hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ để bổ sung, chỉnh sửa kịp thời, phù hợp với Luật Ngân hàng Nhà nước 2010; áp dụng công nghệ tin học trong quá trình thực hiện kiểm toán, nhằm rút ngắn thời gian kiểm toán và nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán; nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí đánh giá rủi ro trong hoạt động, đề xuất các biện pháp kiểm soát rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm toán phù hợp.

Năm 2010, hệ thống thể chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng được tập trung hoàn thiện, hướng tới chuẩn mực mới, phù hợp hơn với các thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước của NHNN và tạo thuận lợi cho các TCTD hoạt động an toàn hiệu quả.

Công tác xây dựng pháp luật

Quốc hội đã thông qua Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng với mục tiêu nâng cao vai trò trách nhiệm và tính chủ động của NHNN trong thực thi chính sách tiền tệ và quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống ngân hàng; tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng cho các TCTD, nâng cao năng lực quản trị, điều hành của các TCTD. Ngay sau khi hai Luật được ban hành, Ngân hàng Nhà nước đã khẩn trương xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và dự thảo các văn bản hướng dẫn hai Luật.

Thực hiện kế hoạch số 307/KH-BCĐ ngày 23/12/2009 của Ban chỉ đạo sơ kết Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2020, NHNN đã tổ chức triển khai sơ kết công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của NHNN trong giai đoạn từ năm 2005 đến hết năm 2009. Qua 5 năm nhìn lại, có thể nói NHNN đã đi đúng định hướng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết, trong đó phải kể đến

những kết quả nổi bật sau: (i) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng (xây dựng, trình Quốc hội ban hành hai Luật Ngân hàng); (ii) Xây dựng và triển khai các đề án quan trọng của Chính phủ như: Đề án Phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Đề án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán, Đề án lộ trình nâng cao tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, khắc phục từng bước hiện tượng đô la hoá trong nền kinh tế, Đề án tăng cường năng lực tài chính các ngân hàng thương mại theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kế toán, phân loại nợ và lộ trình cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước, Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, Dự án hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hoá ngân hàng do Ngân hàng Thế giới tài trợ...cùng một số lượng lớn các Nghị định quan trọng điều chỉnh hoạt động ngân hàng;

Về việc xây dựng các nghị định: NHNN đã trình Chính phủ ký ban hành trong năm 2010 một số Nghị định quan trọng như sau: (i) Nghị định số 05/2010/NĐ-CP ngày 18/1/2010 của Chính phủ hướng dẫn áp dụng Luật Phá sản đối với các Tổ chức tín dụng; (ii) Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/2/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng; (iii) Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Về việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Thống đốc NHNN: Năm 2010, Thống đốc NHNN đã ban hành 23 Thông tư và 01 Thông tư liên tịch nhằm đạt được các mục tiêu về điều hành chính sách

tiền tệ, đảm bảo an toàn hệ thống. Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành tập trung điều chỉnh một số vấn đề quan trọng như chính sách hỗ trợ lãi suất, tỷ lệ an toàn hoạt động ngân hàng... Bên cạnh đó là các văn bản QPPL điều chỉnh các vấn đề về cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng như: Tổ chức, quản trị điều hành, vốn điều lệ; Cấp giấy phép; Kiểm soát đặc biệt; Sát nhập, hợp nhất, mua lại các tổ chức tín dụng ... nhằm từng bước hoàn thiện tổ chức và hoạt động của hệ thống ngân hàng, nâng cao vai trò quản lý nhà nước của NHNN trong giai đoạn mới.

Công tác kiểm tra rà soát văn bản

Trong năm 2010, NHNN đã tiến hành tự kiểm tra 28 Thông tư do Thống đốc NHNN ban hành và liên tịch ban hành trong giai đoạn từ 1/10/2009 đến 30/9/2010, tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản do Bộ, Cơ quan Ngang Bộ, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân ban hành. NHNN đã phối hợp tích cực với Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra một số văn bản quan trọng mang tính thời sự và đang được dư luận quan tâm. Kết quả cho thấy, trong năm 2010, để thực hiện các chỉ đạo cấp bách của Chính phủ nhằm đảm bảo mục tiêu điều hành kinh tế vĩ mô, an toàn hoạt động của hệ thống TCTD Việt Nam, một số văn bản do NHNN ban hành gặp khó khăn trong việc đảm bảo thời điểm có hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, hoặc phải sửa đổi sớm hơn dự kiến. NHNN đã có kiến nghị với Bộ Tư pháp về sửa đổi các quy định của Luật Ban hành văn bản cho phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan Nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước của mình.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Trong năm 2010, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tập trung vào việc phổ biến tuyên truyền nội dung hai Luật Ngân hàng, cụ thể: (i) Tổ chức Hội nghị tuyên truyền phổ biến hai Luật Ngân hàng tại 3 miền, các đối tượng được phổ biến là lãnh đạo các Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN, chi nhánh NHNN tại các tỉnh, thành phố và Tổng giám đốc (Giám đốc) các TCTD; (ii) Đăng tải toàn văn nội dung hai Luật Ngân hàng trên website của NHNN để phổ biến rộng rãi trên toàn quốc; (iii) Xuất bản sách song ngữ Việt Anh hai Luật Ngân hàng; (iv) Giới thiệu các điểm mới của hai Luật Ngân hàng trên các ấn phẩm của NHNN: Thời báo Ngân hàng, Tạp chí Ngân hàng...

Công tác pháp luật quốc tế

NHNN đã tích cực tham gia vào việc rà soát các cam kết và thoả thuận quốc tế; rà soát đề xuất danh mục các cam kết gia nhập WTO áp dụng trực tiếp; Tham gia hợp tác với các tổ chức quốc tế như WB, CIDA...trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đưa các chuẩn mực và thông lệ quốc tế vào các quy định pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là hai luật ngân hàng.

Trong năm 2011, công tác pháp chế sẽ tập trung cao độ cho việc xây dựng và trình các dự án Luật, Nghị định được giao chủ trì soạn thảo như ưu tiên dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi; các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các Tổ chức tín dụng. Triển khai kế hoạch công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2011, đặc biệt là theo dõi tình hình triển khai hai Luật Ngân hàng và theo dõi việc tuân thủ các cam kết quốc tế trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng.

Năm 2010, NHNN tiếp tục tích cực thực hiện các hoạt động đối ngoại nhằm phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế và tăng cường huy động hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho Việt Nam, góp phần vào các nỗ lực đẩy nhanh sự phục hồi kinh tế và tăng trưởng bền vững, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Trong 2010, năm Việt Nam giữ cương vị Chủ tịch ASEAN, NHNN đã thể hiện vai trò nổi bật trong tiến trình hợp tác tài chính tiền tệ khu vực ASEAN và ASEAN+3. NHNN đã thành công khi lần thứ hai đăng cai tổ chức và chủ trì các Hội nghị Thống đốc NHTW ASEAN (ACGM) và Hội nghị Phó Thống đốc NHTW ASEAN (ACDM). Các Hội nghị là cơ hội để NHTW các nước ASEAN củng cố quan hệ hợp tác nhằm chống lại các cú sốc từ bên ngoài và ngăn ngừa khủng hoảng trong tương lai.

NHNN đã đồng chủ trì thành công các cuộc họp Nhóm đặc trách về Đa phương hoá Sáng kiến Chiềng Mai (CMIM), sáng kiến hợp tác giữa các nước ASEAN với Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc nhằm tạo cơ chế hỗ trợ cán cân thanh toán của các nước tham gia khi gặp khó khăn trong ngắn hạn. Đồng thời, NHNN tiếp tục thể hiện vai trò tích cực trên các diễn đàn trong khuôn khổ Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo của Ngân hàng Trung ương các nước Đông Nam Á (SEACEN) như Hội nghị thường niên của Hội đồng Thống

đốc, Ủy ban Điều hành SEACEN cũng như các diễn đàn bên lề khác.

Trong khuôn khổ APEC, NHNN tiếp tục thể hiện vai trò tích cực và chủ động trong việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia (IAP) trong lĩnh vực ngân hàng, tham gia đóng góp ý kiến cho các báo cáo nghiên cứu và sáng kiến hợp tác tài chính APEC và phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong các hoạt động hợp tác khác của APEC.

Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), qua đó củng cố ngày một vững chắc quan hệ với các tổ chức này và khai thác hiệu quả hỗ trợ cho Việt Nam nói chung và NHNN nói riêng.

Với IMF, quan hệ tiếp tục được duy trì tốt đẹp thông qua đối thoại chính sách, hỗ trợ kỹ thuật và các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao IMF tới Việt Nam. Năm 2010, NHNN và IMF đã phối hợp tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Tăng trưởng và giảm nghèo tại các nước Châu Á đang phát triển giai đoạn sau khủng hoảng” với sự tham dự của gần 150 đại biểu trong và ngoài nước nhằm chia sẻ kinh nghiệm của châu Á trong quản lý kinh tế và những thách thức chính sách trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động mới.

Trong quan hệ với WB, NHNN đã chủ trì đàm phán và ký kết thành công Hiệp định tài

trợ/Hiệp định vay cho 11 chương trình/dự án từ nguồn vốn IDA và IBRD với tổng số vốn vay là 1,263 tỉ USD; đàm phán và ký kết thành công Chương trình Tín dụng hỗ trợ giảm nghèo IX (PRSC IX) của WB trị giá 150 triệu USD cùng 6 khoản viện trợ cam kết của các nhà tài trợ ủy thác qua WB trị giá khoảng 290 triệu USD; tiến hành các hoạt động khởi động cho PRSC X và phối hợp với các bộ, ngành liên quan để thống nhất về việc lựa chọn phương án, mô hình triển khai Chương trình Hậu PRSC.

Trong quan hệ với ADB, năm 2010, NHNN đã chủ trì đàm phán thành công với ADB 11 dự án/chương trình với tổng trị giá vốn vay 960 triệu USD. Trong lĩnh vực tư vấn chính sách, song song với việc chuẩn bị Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ, ADB cũng tiến hành soạn thảo Chiến lược Đối tác Quốc gia giai đoạn 2011-2015 với Việt Nam với mục tiêu tiếp tục ủng hộ Việt Nam trong việc đạt được tầm nhìn tới năm 2020. Đặc biệt, năm 2010, tại Hội nghị Thường niên Hội đồng Thống đốc ADB lần thứ 43 tổ chức tại Tashkent, Uzbekistan, toàn thể Hội đồng Thống đốc và các nước hội viên ADB đã nhất trí trao cho Việt Nam quyền đăng cai Hội nghị Thường niên Hội đồng Thống đốc ADB lần thứ 44 vào năm 2011.

Quan hệ hợp tác song phương

Năm 2010, NHNN tiếp tục ký văn bản hợp tác với 6 đối tác gồm Myanmar, Thái Lan, Belarus, Singapore, Campuchia và Thụy Sĩ.

Liên quan đến các chương trình hỗ trợ cho ngành ngân hàng, NHNN đã phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các thỏa thuận hợp tác như Chương trình hợp tác đào tạo với Luxembourg; 02 điều khoản tham chiếu (TOR) về hỗ trợ kỹ thuật ký với Bộ Tài chính Mỹ; Dự án HTKT Tăng cường năng lực cho NHNN do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JICA) tài trợ; Dự án Cải cách ngân hàng do Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (CIDA) tài trợ; Chương trình hỗ trợ kỹ thuật do NHTW Thụy Điển tài trợ; Chương trình Hợp tác đào tạo với NHDCND Lào; các hoạt động trong khuôn khổ Tổ Công tác Việt Nga; và Dự án "Xây dựng chiến lược phát triển khu vực ngân hàng 2011 - 2020" của Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ.

TỔ CHỨC CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG

Công tác cán bộ, bổ sung biên chế và hoạt động đào tạo bồi dưỡng tiếp tục được quan tâm với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức NHNN chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ và thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

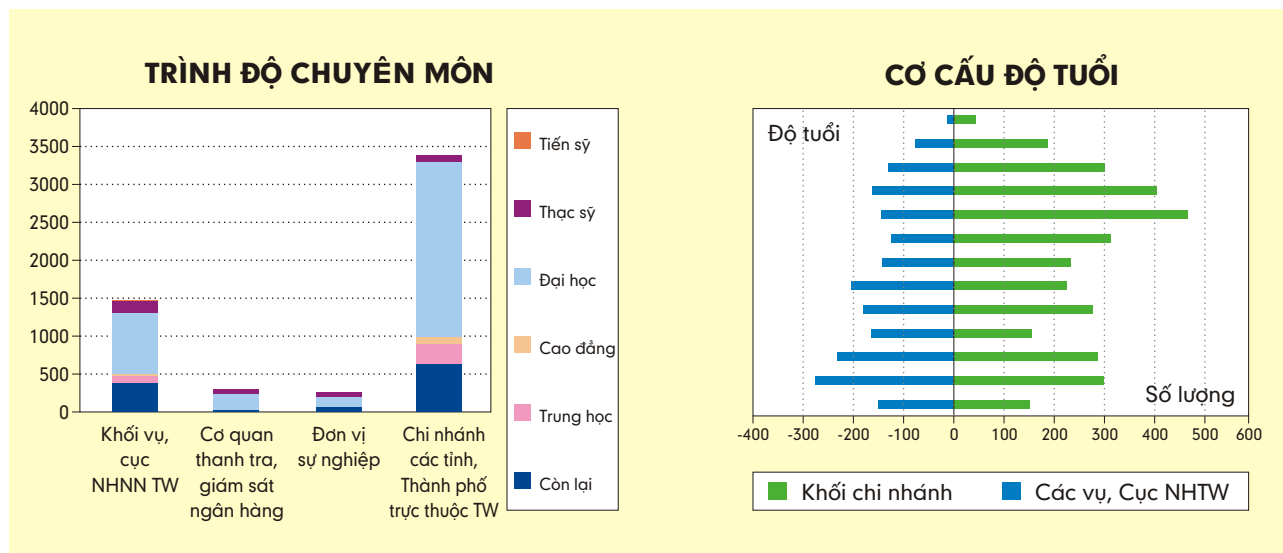
Biên chế, cơ cấu nhân sự

Trong những năm gần đây, Thống đốc NHNN đã liên tục điều chỉnh bổ sung biên

vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, tính chất công việc và sơ đồ vị trí công việc được Thống đốc phê duyệt. Đối với NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, việc xác định biên chế, ngoài căn cứ theo tính chất công việc, còn đồng thời phải xét đến các yếu tố khác như chất lượng công chức, điều kiện kinh tế, xã hội; số lượng, quy mô, loại hình TCTD trên địa bàn.

Hoạt động đào tạo bồi dưỡng

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được quan tâm với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán



chế, tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ nhằm tăng cường năng lực cho các Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN đảm bảo thực hiện đầy đủ, có hiệu quả vai trò của NHNN với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và cơ quan tham mưu cho Chính phủ trọng việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ.

Đối với các đơn vị Vụ, Cục NHNN trung ương, việc xác định biên chế (số lượng, chất lượng, chuyên ngành đào tạo...) cho các đơn

bộ, công chức NHNN chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, thực hiện các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng trung ương, hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Với định hướng đó, trong năm 2010, NHNN tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thông qua việc

gắn bó chặt chẽ đào tạo, bồi dưỡng với yêu cầu của vị trí việc làm, góp phần nâng cao năng lực, trình độ cán bộ, công chức, viên chức của NHNN.

Theo đó, NHNN đã hoàn thành xây dựng các khung chương trình đào tạo cho các nhóm cán bộ. Theo lĩnh vực chuyên môn, NHNN đã xây dựng và ban hành các Khung chương trình đào tạo cán bộ khối Chính sách, cán bộ khối Thanh tra, giám sát. Đây là hai nhóm cán bộ gắn với các chức năng, nhiệm vụ trọng yếu của NHNN. Theo ngạch công chức và chức danh lãnh đạo quản lý, NHNN xây dựng Khung chương trình đào tạo cán bộ cấp Phòng, Chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên. Cùng với các chương trình khác đã được triển khai như Chương trình đào tạo cán bộ cấp Vụ, cán bộ Kế toán, cán bộ Kiểm soát, cán bộ Tiền tệ - Kho quỹ và cán bộ Quản lý nhân sự, về cơ bản các nhóm cán bộ chuyên môn của NHNN đều có khung chương trình đào tạo.

Về số lượng, trong năm 2010, NHNN đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho trên 4.000 lượt cán bộ gồm cả đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở trong và ngoài nước, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại Trường bồi dưỡng cán bộ ngân hàng

Năm 2010, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng phối hợp với các đơn vị trong toàn hệ thống đã tổ chức thành công 83 khóa học và hội thảo với 724 ngày đào tạo và 2.713 lượt cán bộ tham dự, tăng 9 khóa, 180 ngày đào tạo và 349 lượt cán bộ tham dự so với năm 2009. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng được thiết kế

khoa học với nội dung đa dạng, từ những khóa học và hội thảo về các nghiệp vụ, chính sách của NHTW đến những khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng làm việc và các kiến thức bổ trợ như kiến thức tin học và ngoại ngữ. Cơ sở vật chất cho công tác đào tạo đang tiếp tục được mở rộng và hoàn thiện với các địa điểm đào tạo ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.

Triển khai 3 chương trình lớn và trọng tâm là Chương trình đào tạo cán bộ quản lý cấp cao NHNN gồm 06 học phần, Chương trình đào tạo cán bộ làm công tác thanh tra giám sát ngân hàng và Chương trình đào tạo cán bộ ngân hàng trong khuôn khổ hợp tác với Cơ quan Chuyển giao công nghệ Tài chính Luxembourg (ATTF). Đây là những chương trình có ý nghĩa quan trọng, đóng góp tích cực vào công cuộc nâng cao chất lượng hoạt động không chỉ của NHTW mà của toàn hệ thống ngân hàng.

Trong quá trình triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức NHNN, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng đã nhận được sự hợp tác và hỗ trợ tích cực của các tổ chức và dự án quốc tế như Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GIZ), Tổ chức Nâng cao Năng lực quốc tế Đức (InWEnt), Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO), Cơ quan Chuyển giao công nghệ Tài chính Luxembourg (ATTF), Cơ quan Phát triển quốc tế Canada (CIDA),... một số NHTW các nước, các trường và cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NHNN CÔNG BỐ

Đơn vị tính: %/năm

Thời gian	Lãi suất cơ bản	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu
Tháng12/2009	8	8	6
Tháng1/2010	8	8	6
Tháng 2/2010	8	8	6
Tháng 3/2010	8	8	6
Tháng 4/2010	8	8	6
Tháng 5/2010	8	8	6
Tháng 6/2010	8	8	6
Tháng 7/2010	8	8	6
Tháng 8/2010	8	8	6
Tháng 9/2010	8	8	6
Tháng 10/2010	8	8	6
Tháng 11/2010	9	9	7
Tháng12/2010	9	9	7

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 2

HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào Mua	2010	2009
Số phiên	490	261
Kỳ hạn (ngày)	7;14;28	7;14
Số lượt thành viên	6.017	3.085
Doanh số đặt thầu (tỷ đồng)	4.034.104	3.613.860
Doanh số trúng thầu (tỷ đồng)	2.101.421	961.773
Lãi suất (%/năm):		
Phương thức đấu thầu khối lượng	7,0-10	6,5-9,0

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 3

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC NĂM 2010

Thời gian áp dụng	Loại tiền	Kỳ hạn	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thông thường		Tỷ lệ dự trữ bắt buộc của tiền gửi bằng VND đối với TCTD thuộc diện ưu đãi theo Thông tư số 20/2010/TT-NHNN (**)	
			NHTM Nhà nước, NHTMCP đô thị, Chi nhánh nước ngoài, NH liên doanh, công ty TC.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, QTDNDTW	Đối với TCTD có tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn từ 70% trở lên	Đối với TCTD có tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn từ 40-70%
Tháng 01/2010	Tiền gửi bằng VND	Dưới 12	3	1		
		Từ 12 tháng trở lên	1	1		
	Tiền gửi bằng ngoại tệ	Dưới 12	7	6		
		Từ 12 tháng trở lên	3	2		
Từ tháng 02 - 11 /2010	Tiền gửi bằng VND	Dưới 12	3	1		
		Từ 12 tháng trở lên	1	1		
	Tiền gửi bằng ngoại tệ	Dưới 12	4	3		
		Từ 12 tháng trở lên	2	1		
Tháng 12/2010(*)	Tiền gửi bằng VND	Dưới 12	3	1	0,15	0,60
		Từ 12 tháng trở lên	1	1	0,05	0,20
	Tiền gửi bằng ngoại tệ	Dưới 12	4	3		
		Từ 12 tháng trở lên	2	1		

(*) Từ tháng 12/2010, các TCTD áp dụng tỷ lệ DTBB của tiền gửi VND được chi thành 2 nhóm: nhóm TCTD có tỷ trọng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn cao được áp dụng tỷ lệ DTBB thấp hơn mức tỷ lệ DTBB thông thường theo Thông tư 20/2010/TT-NHNN và nhóm TCTD khác áp dụng theo tỷ lệ DTBB thông thường.

(**) Theo Thông tư 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, NHNN thực hiện hỗ trợ nguồn vốn cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn cho các TCTD thông qua áp dụng tỷ lệ DTBB bằng VND thấp hơn mức tỷ lệ DTBB thông thường, cụ thể: (1) Bằng 1/20 so với tỷ lệ DTBB thông thường đối với TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn từ 70% trở lên tương ứng với từng kỳ hạn tiền gửi; (2) Bằng 1/5 so với tỷ lệ DTBB thông thường đối với TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn từ 40% đến dưới 70%.

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 4

CÁN CÂN THANH TOÁN

Đơn vị: triệu USD

	2010
A. TÀI KHOẢN VẮNG LẠI	-3.511
1. Cán cân thương mại	-5.147
Xuất khẩu (FOB)	72.192
Nhập Khẩu (FOB)	77.339
2. Dịch vụ (ròng)	-2.461
Thu	7.460
Chi	9.921
3. Chuyển tiền (ròng)	8.661
Tư nhân (ròng)	8.342
Nhà nước (ròng)	319
4. Thu nhập từ đầu tư (ròng)	-4.564
Thu	456
Chi	5.020
B. TÀI KHOẢN VỐN VÀ TÀI CHÍNH	5.542
5. Đầu tư trực tiếp	7.100
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam	8.000
Tài sản	7.101
Vốn vay	899
Đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài	900
6. Vay trả nợ trung và dài hạn	2.751
Vay	4.671
Nợ gốc đến hạn trả	1.920
(số thực thanh toán)	1.920
7. Vay trả nợ ngắn hạn	1.043
Vay	8.386
Nợ gốc đến hạn trả	7.343
(số thực thanh toán)	7.343
8. Đầu tư giấy tờ có giá	2.370
9. Tiền và tiền gửi	-7.722
C. LỖI VÀ SAI SÓT	3.796
D. CÁN CÂN TỔNG THỂ (=E)	-1.765
E. TÀI TRỢ	1.765
10. Thay đổi tổng dự trữ ngoại hối	-1.765
Thay đổi GIR, trừ sử dụng vốn của IMF	1.803
Sử dụng vốn của IMF	-38
Vay	0
Trả	38
11. Thay đổi về nợ quá hạn và gia hạn nợ	0
Thay đổi về chậm trả nợ	0
Cơ cấu lại nợ	0

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 5

TỶ GIÁ GIỮA ĐÔ LA MỸ VÀ ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị tính: Đồng/USD

Năm 2010	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	Tỷ giá trung bình các NHTM		Tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	Tỷ giá trung bình các NHTM	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	17.941	18.472	18.479	17.941	18.471	18.479
Tháng 2	18.544	18.973	19.100	18.243	18.674	18.790
Tháng 3	18.544	19.053	19.100	18.544	19.049	19.100
Tháng 4	18.544	18.938	19.000	18.544	18.985	19.046
Tháng 5	18.544	18.963	19.010	18.544	18.966	19.025
Tháng 6	18.544	19.031	19.100	18.544	18.962	19.009
Tháng 7	18.544	19.096	19.100	18.544	19.082	19.095
Tháng 8	18.932	19.473	19.473	18.720	19.258	19.269
Tháng 9	18.932	19.485	19.500	18.932	19.480	19.500
Tháng 10	18.932	19.496	19.500	18.932	19.492	19.500
Tháng 11	18.932	19.496	19.500	18.932	19.496	19.500
Tháng 12	18.932	19.496	19.500	18.932	19.496	19.500

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 6

GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/chỉ

2010	Giá vàng ngày cuối tháng	
	Giá vàng bình quân trong tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	2,637	2,642
Tháng 2	2,654	2,660
Tháng 3	2,619	2,624
Tháng 4	2,650	2,656
Tháng 5	2,768	2,774
Tháng 6	2,855	2,860
Tháng 7	2,771	2,777
Tháng 8	2,892	2,896
Tháng 9	3,121	3,125
Tháng 10	3,335	3,340
Tháng 11	3,588	3,595
Tháng 12	3,590	3,600

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 7

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị tính: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2005	So với tháng 12 năm trước	1,1	3,6	3,7	4,3	4,8	5,2	5,6	6,0	6,8	7,2	7,6	8,4
	So với tháng trước	1,1	2,5	0,1	0,6	0,5	0,4	0,4	0,4	0,8	0,4	0,4	0,8
	So với cùng kỳ	9,7	9,1	8,4	8,5	8,1	7,6	7,5	7,3	7,8	8,3	8,5	8,4
2006	So với tháng 12 năm trước	1,2	3,3	2,8	3,0	3,6	4,0	4,4	4,8	5,1	5,4	6,0	6,6
	So với tháng trước	1,2	2,1	-0,5	0,2	0,6	0,4	0,4	0,4	0,3	0,2	0,6	0,5
	So với cùng kỳ	8,8	8,4	7,7	7,4	7,5	7,6	7,5	7,5	6,9	6,7	6,9	6,6
2007	So với tháng 12 năm trước	1,1	3,2	3,0	3,5	4,3	5,2	6,2	6,8	7,3	8,1	9,5	12,6
	So với tháng trước	1,1	2,2	-0,2	0,5	0,8	0,8	0,9	0,5	0,5	0,7	1,2	2,9
	So với cùng kỳ	6,5	6,5	6,8	7,2	7,3	7,8	8,4	8,6	8,8	9,3	10,0	12,6
2008	So với tháng 12 năm trước	2,4	6,0	9,2	11,6	16,0	18,4	19,8	21,7	21,9	21,6	20,7	19,9
	So với tháng trước	2,4	3,6	3,0	2,2	3,9	2,1	1,1	1,6	0,2	-0,2	-0,8	-0,7
	So với cùng kỳ	14,1	15,7	19,4	21,4	25,2	26,8	27,0	28,3	27,9	26,7	24,2	19,9
2009	So với tháng 12 năm trước	0,32	1,49	1,32	1,68	2,12	2,68	3,22	3,47	4,11	4,49	5,07	6,52
	So với tháng trước	0,32	1,17	-0,17	0,35	0,44	0,55	0,52	0,24	0,62	0,37	0,55	1,38
	So với cùng kỳ	17,5	14,78	11,25	9,23	5,58	3,94	3,31	1,97	2,42	2,99	4,35	6,52
2010	So với tháng 12 năm trước	1,36	3,347	4,122	4,268	4,549	4,779	4,84	5,08	6,46	7,58	9,58	11,75
	So với tháng trước	1,36	1,96	0,75	0,14	0,27	0,22	0,06	0,23	1,31	1,05	1,86	1,98
	So với cùng kỳ	7,62	8,46	9,46	9,23	9,05	8,69	8,19	8,18	8,92	9,66	11,09	11,75

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 8

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009	Q1/2010	Q2/2010	Q3/2010	Q4/2010
1. Tổng phương tiện thanh toán	2.092.447	2.153.442	2.358.846	2.533.089	2.789.184
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	1.799.222	1.871.187	2.070.588	2.232.942	2.451.236
3. Tổng dư nợ tín dụng	1.869.255	1.935.792	2.087.384	2.251.497	2.475.535

Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)

Chỉ tiêu	2009	Q1/2010	Q2/2010	Q3/2010	Q4/2010
1. Tổng phương tiện thanh toán	28,99	23,18	23,66	27,54	33,30
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	29,88	27,50	27,08	30,57	36,24
3. Tổng dư nợ tín dụng	39,57	36,34	28,91	27,24	31,19

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 9

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá so sánh 1994 (tỷ đồng)	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng GDP (%)
2000	273.666	441.646	6,79
2001	292.535	481.295	6,84
2002	313.247	535.762	7,08
2003	336.242	613.443	7,34
2004	362.435	715.307	7,79
2005	393.031	839.211	8,44
2006	425.373	974.266	8,23
2007	461.443	1.144.015	8,48
2008	490.181	1.478.695	6,18
2009	515.909	1.645.481	5,32
2010	551.609	1.980.914	6,78

Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam